

**GIÁ CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT THỰC HIỆN BẢNG PHƯƠNG PHÁP VÔ CẢM GÂY TÊ CHƯA BAO GỒM THUỐC VÀ OXY SỬ DỤNG TRONG DỊCH VỤ**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 486/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)

Đơn vị: đồng

| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT23/2024/TT-BYT                                                | Tên dịch vụ phê duyệt giá                                                         | GIÁ THU   | Ghi chú                                                                                                                                                        |
|-----|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A   | B              | C                                                                                 | D                                                                                 | 1         | 2                                                                                                                                                              |
| 1   | 03.1615.0575   | Ghép da hay vật da điều trị hở mí do sẹo                                          | Ghép da hay vật da điều trị hở mí do sẹo                                          | 2,583,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 2   | 03.2064.1079   | Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mắt                                                | Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mắt                                                | 2,293,500 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 3   | 03.2104.0997   | Vá nhĩ đơn thuần                                                                  | Vá nhĩ đơn thuần                                                                  | 3,204,200 | Đã bao gồm chi phí mũi khoan, thuốc và oxy                                                                                                                     |
| 4   | 03.2205.0955   | Phẫu thuật dẫn lưu áp xe quanh thực quản                                          | Phẫu thuật dẫn lưu áp xe quanh thực quản                                          | 1,570,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 5   | 03.2248.0685   | Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa                               | Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa                               | 2,478,500 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 6   | 03.2249.0681   | Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn                                          | Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn                                          | 3,536,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 7   | 03.2252.0662   | Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo                                  | Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo                                  | 2,212,300 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 8   | 03.2253.0651   | Phẫu thuật cắt âm vật phì đại                                                     | Phẫu thuật cắt âm vật phì đại                                                     | 2,177,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 9   | 03.2254.0686   | Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng | Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng | 3,888,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 10  | 03.2256.0669   | Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp                      | Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp                      | 2,538,800 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 11  | 03.2257.0663   | Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn                                              | Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn                                              | 3,456,900 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 12  | 03.2263.0624   | Khâu rách cùng đồ âm đạo                                                          | Khâu rách cùng đồ âm đạo                                                          | 1,569,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 13  | 03.2264.0669   | Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn                                               | Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn                                               | 2,538,800 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 14  | 03.2500.0558   | Cắt bỏ u xương thái dương                                                         | Cắt bỏ u xương thái dương                                                         | 3,338,600 | Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiện kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học, thuốc và oxy |
| 15  | 03.2629.0407   | Cắt u máu, u bạch huyết đường kính trên 10 cm                                     | Cắt u máu, u bạch huyết đường kính trên 10 cm                                     | 2,436,100 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 16  | 03.2632.0400   | Mở lồng ngực thăm dò, sinh thiết                                                  | Mở lồng ngực thăm dò, sinh thiết                                                  | 2,718,800 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 17  | 03.2639.0558   | Cắt u xương sườn nhiều xương                                                      | Cắt u xương sườn nhiều xương                                                      | 3,338,600 | Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiện kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học, thuốc và oxy |
| 18  | 03.2640.0407   | Cắt u máu, u bạch huyết đường kính 5 - 10 cm                                      | Cắt u máu, u bạch huyết đường kính 5 - 10 cm                                      | 2,436,100 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 19  | 03.2643.0558   | Cắt u xương sườn 1 xương                                                          | Cắt u xương sườn 1 xương                                                          | 3,338,600 | Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiện kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học, thuốc và oxy |
| 20  | 03.2671.0491   | Mổ thăm dò ổ bụng, sinh thiết u                                                   | Mổ thăm dò ổ bụng, sinh thiết u                                                   | 2,276,100 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy                                                                                        |
| 21  | 03.2675.0491   | Mở thông dạ dày ra da do ung thư                                                  | Mở thông dạ dày ra da do ung thư                                                  | 2,276,100 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy                                                                                        |
| 22  | 03.2688.0464   | Dẫn lưu đường mật ra da do ung thư                                                | Dẫn lưu đường mật ra da do ung thư                                                | 2,367,100 | Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.                                                                   |
| 23  | 03.2708.0416   | Cắt thận và niệu quản do u niệu quản, u đường bài xuất                            | Cắt thận và niệu quản do u niệu quản, u đường bài xuất                            | 3,578,400 | Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy                                                                                       |
| 24  | 03.2709.0424   | Cắt một phần bàng quang                                                           | Cắt một phần bàng quang                                                           | 4,306,900 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 25  | 03.2713.0416   | Cắt ung thư thận                                                                  | Cắt ung thư thận                                                                  | 3,578,400 | Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy                                                                                       |
| 26  | 03.2714.0416   | Cắt u thận kèm lấy huyết khối tĩnh mạch chủ dưới                                  | Cắt u thận kèm lấy huyết khối tĩnh mạch chủ dưới                                  | 3,578,400 | Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy                                                                                       |
| 27  | 03.2715.0416   | Cắt toàn bộ thận và niệu quản                                                     | Cắt toàn bộ thận và niệu quản                                                     | 3,578,400 | Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy                                                                                       |
| 28  | 03.2716.0425   | Cắt u bàng quang đường trên                                                       | Cắt u bàng quang đường trên                                                       | 4,734,100 | Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.                                                                                                    |
| 29  | 03.2721.0598   | Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cầm máu trong tiểu khung    | Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cầm máu trong tiểu khung    | 5,932,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |



| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT23/2024/TT-BYT                                           | Tên dịch vụ phê duyệt giá                                                    | GIÁ THU   | Ghi chú                                                                                                                                                        |
|-----|----------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A   | B              | C                                                                            | D                                                                            | 1         | 2                                                                                                                                                              |
| 30  | 03.2723.0661   | Cắt ung thư- buồng trứng lan rộng                                            | Cắt ung thư- buồng trứng lan rộng                                            | 5,953,300 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 31  | 03.2724.0703   | Phẫu thuật Second Look trong ung thư buồng trứng                             | Phẫu thuật Second Look trong ung thư buồng trứng                             | 3,668,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 32  | 03.2725.0681   | Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng                                              | Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng                                              | 3,536,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 33  | 03.2726.0627   | Cắt cụt cổ tử cung                                                           | Cắt cụt cổ tử cung                                                           | 2,305,100 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 34  | 03.2728.0661   | Cắt ung thư buồng trứng kèm cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn | Cắt ung thư buồng trứng kèm cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn | 5,953,300 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 35  | 03.2729.0683   | Cắt u nang buồng trứng xoắn                                                  | Cắt u nang buồng trứng xoắn                                                  | 2,651,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 36  | 03.2730.0683   | Cắt u nang buồng trứng                                                       | Cắt u nang buồng trứng                                                       | 2,651,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 37  | 03.2731.0683   | Cắt u nang buồng trứng và phần phụ                                           | Cắt u nang buồng trứng và phần phụ                                           | 2,651,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 38  | 03.2732.0683   | Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ                       | Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ                       | 2,651,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 39  | 03.2733.0597   | Cắt u thành âm đạo                                                           | Cắt u thành âm đạo                                                           | 1,716,500 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 40  | 03.2735.0653   | Cắt u vú lành tính                                                           | Cắt u vú lành tính                                                           | 2,595,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 41  | 03.2747.0534   | Tháo khớp háng do ung thư chi dưới                                           | Tháo khớp háng do ung thư chi dưới                                           | 3,175,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 42  | 03.2748.0534   | Cắt cụt cẳng chân do ung thư                                                 | Cắt cụt cẳng chân do ung thư                                                 | 3,175,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 43  | 03.2749.0534   | Cắt cụt đùi do ung thư chi dưới                                              | Cắt cụt đùi do ung thư chi dưới                                              | 3,175,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 44  | 03.2758.0558   | Cắt u xương, sụn                                                             | Cắt u xương, sụn                                                             | 3,338,600 | Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiện kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học, thuốc và oxy |
| 45  | 03.2759.0534   | Cắt chỉ và vết hạch do ung thư                                               | Cắt chỉ và vết hạch do ung thư                                               | 3,175,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 46  | 03.3077.0572   | Khâu nối dây thần kinh ngoại biên                                            | Khâu nối dây thần kinh ngoại biên                                            | 2,707,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 47  | 03.3083.0576   | Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu                                         | Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu                                         | 2,149,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 48  | 03.3216.0399   | Phẫu thuật bắc cầu mạch máu để chạy thận nhân tạo                            | Phẫu thuật bắc cầu mạch máu để chạy thận nhân tạo                            | 2,093,600 | Chưa bao gồm mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                           |
| 49  | 03.3219.1187   | Phẫu thuật đặt Port động/tĩnh mạch để tiêm truyền hóa chất điều trị ung thư  | Phẫu thuật đặt Port động/tĩnh mạch để tiêm truyền hóa chất điều trị ung thư  | 1,029,600 | Chưa bao gồm buồng tiêm truyền, thuốc và oxy                                                                                                                   |
| 50  | 03.3234.0400   | Mở lồng ngực thăm dò                                                         | Mở lồng ngực thăm dò                                                         | 2,718,800 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 51  | 03.3282.0493   | Dẫn lưu áp xe dưới cơ hoành                                                  | Dẫn lưu áp xe dưới cơ hoành                                                  | 2,432,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 52  | 03.3283.0493   | Dẫn lưu áp xe dưới cơ hoành có cắt xương sườn                                | Dẫn lưu áp xe dưới cơ hoành có cắt xương sườn                                | 2,432,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 53  | 03.3289.0491   | Phẫu thuật điều trị xoắn dạ dày                                              | Phẫu thuật điều trị xoắn dạ dày                                              | 2,276,100 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy                                                                                        |
| 54  | 03.3292.0491   | Mở dạ dày lấy bã thức ăn                                                     | Mở dạ dày lấy bã thức ăn                                                     | 2,276,100 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy                                                                                        |
| 55  | 03.3297.0491   | Mở thông dạ dày                                                              | Mở thông dạ dày                                                              | 2,276,100 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy                                                                                        |
| 56  | 03.3315.0491   | Làm hậu môn nhân tạo cấp cứu ở trẻ sơ sinh                                   | Làm hậu môn nhân tạo cấp cứu ở trẻ sơ sinh                                   | 2,276,100 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy                                                                                        |
| 57  | 03.3316.0491   | Làm hậu môn nhân tạo trẻ lớn                                                 | Làm hậu môn nhân tạo trẻ lớn                                                 | 2,276,100 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy                                                                                        |
| 58  | 03.3327.0459   | Phẫu thuật viêm ruột thừa                                                    | Phẫu thuật viêm ruột thừa                                                    | 2,277,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 59  | 03.3328.0686   | Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa                                           | Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa                                           | 3,888,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 60  | 03.3330.0493   | Phẫu thuật áp xe ruột thừa trong ổ bụng                                      | Phẫu thuật áp xe ruột thừa trong ổ bụng                                      | 2,432,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |



| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT23/2024/TT-BYT                                                  | Tên dịch vụ phê duyệt giá                                                           | GIÁ THU   | Ghi chú                                                                                                      |
|-----|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A   | B              | C                                                                                   | D                                                                                   | 1         | 2                                                                                                            |
| 61  | 03.3332.0493   | Dẫn lưu áp xe ruột thừa                                                             | Dẫn lưu áp xe ruột thừa                                                             | 2,432,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                    |
| 62  | 03.3346.0663   | Xử trí vết thương tầng sinh môn phức tạp                                            | Xử trí vết thương tầng sinh môn phức tạp                                            | 3,456,900 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                    |
| 63  | 03.3348.0494   | Phẫu thuật điều trị rò cạnh hậu môn                                                 | Phẫu thuật điều trị rò cạnh hậu môn                                                 | 2,276,400 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy |
| 64  | 03.3349.0494   | Phẫu thuật rò hậu môn phức tạp hay phẫu thuật lại                                   | Phẫu thuật rò hậu môn phức tạp hay phẫu thuật lại                                   | 2,276,400 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy |
| 65  | 03.3350.0494   | Phẫu thuật áp xe hậu môn, có mở lỗ rò                                               | Phẫu thuật áp xe hậu môn, có mở lỗ rò                                               | 2,276,400 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy |
| 66  | 03.3356.0669   | Phẫu thuật tái tạo cơ vùng hậu môn kiểu overlap trong điều trị đứt cơ vùng hậu môn) | Phẫu thuật tái tạo cơ vùng hậu môn kiểu overlap trong điều trị đứt cơ vùng hậu môn) | 2,538,800 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                    |
| 67  | 03.3364.0494   | Cắt cơ tròn trong                                                                   | Cắt cơ tròn trong                                                                   | 2,276,400 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy |
| 68  | 03.3365.0494   | Cắt trĩ từ 2 búi trở lên                                                            | Cắt trĩ từ 2 búi trở lên                                                            | 2,276,400 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy |
| 69  | 03.3366.0494   | Phẫu thuật trĩ độ 3                                                                 | Phẫu thuật trĩ độ 3                                                                 | 2,276,400 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy |
| 70  | 03.3367.0494   | Phẫu thuật trĩ độ 3                                                                 | Phẫu thuật trĩ độ 3                                                                 | 2,276,400 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy |
| 71  | 03.3368.0494   | Phẫu thuật trĩ độ 1                                                                 | Phẫu thuật trĩ độ 1                                                                 | 2,276,400 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy |
| 72  | 03.3369.0494   | Cắt bỏ trĩ vòng                                                                     | Cắt bỏ trĩ vòng                                                                     | 2,276,400 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy |
| 73  | 03.3370.0494   | Phẫu thuật lại trĩ chảy máu                                                         | Phẫu thuật lại trĩ chảy máu                                                         | 2,276,400 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy |
| 74  | 03.3371.0494   | Phẫu thuật trĩ nhồi máu phức tạp                                                    | Phẫu thuật trĩ nhồi máu phức tạp                                                    | 2,276,400 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy |
| 75  | 03.3377.0494   | Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản                                                  | Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản                                                  | 2,276,400 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy |
| 76  | 03.3378.0494   | Thắt trĩ có kèm bóc tách, cắt một bó trĩ                                            | Thắt trĩ có kèm bóc tách, cắt một bó trĩ                                            | 2,276,400 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy |
| 77  | 03.3379.0494   | Phẫu thuật trĩ nhồi máu nhỏ                                                         | Phẫu thuật trĩ nhồi máu nhỏ                                                         | 2,276,400 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy |
| 78  | 03.3381.0492   | Phẫu thuật thoát vị rốn và khe hở thành bụng                                        | Phẫu thuật thoát vị rốn và khe hở thành bụng                                        | 2,816,800 | Chưa bao gồm tam mạng nang, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy                                |
| 79  | 03.3384.0492   | Phẫu thuật thoát vị khó: đùi, bít                                                   | Phẫu thuật thoát vị khó: đùi, bít                                                   | 2,816,800 | Chưa bao gồm tam mạng nang, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy                                |
| 80  | 03.3385.0493   | Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư trong ổ bụng                                       | Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư trong ổ bụng                                       | 2,432,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                    |
| 81  | 03.3386.0686   | Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiên phát                                         | Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiên phát                                         | 3,888,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                    |
| 82  | 03.3391.0683   | Cắt u nang buồng trứng                                                              | Cắt u nang buồng trứng                                                              | 2,651,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                    |
| 83  | 03.3394.0464   | Phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đùi chậu                                                | Phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đùi chậu                                                | 2,367,100 | Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối                  |
| 84  | 03.3395.0492   | Phẫu thuật thoát vị bẹn nghẹt                                                       | Phẫu thuật thoát vị bẹn nghẹt                                                       | 2,816,800 | Chưa bao gồm tam mạng nang, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy                                |
| 85  | 03.3396.0492   | Phẫu thuật thoát vị rốn nghẹt                                                       | Phẫu thuật thoát vị rốn nghẹt                                                       | 2,816,800 | Chưa bao gồm tam mạng nang, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy                                |
| 86  | 03.3397.0492   | Phẫu thuật thoát vị vết mổ cũ thành bụng                                            | Phẫu thuật thoát vị vết mổ cũ thành bụng                                            | 2,816,800 | Chưa bao gồm tam mạng nang, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy                                |
| 87  | 03.3400.0632   | Lấy máu tụ tầng sinh môn                                                            | Lấy máu tụ tầng sinh môn                                                            | 1,959,100 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                    |
| 88  | 03.3401.0492   | Phẫu thuật thoát vị bẹn hay thành bụng thường                                       | Phẫu thuật thoát vị bẹn hay thành bụng thường                                       | 2,816,800 | Chưa bao gồm tam mạng nang, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy                                |
| 89  | 03.3402.0491   | Mở bụng thăm dò                                                                     | Mở bụng thăm dò                                                                     | 2,276,100 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy                                      |
| 90  | 03.3416.0493   | Phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan                                                        | Phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan                                                        | 2,432,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                    |
| 91  | 03.3438.0464   | Dẫn lưu đường mật ra da                                                             | Dẫn lưu đường mật ra da                                                             | 2,367,100 | Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối                  |



| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT23/2024/TT-BYT                                      | Tên dịch vụ phê duyệt giá                                               | GIÁ THU   | Ghi chú                                                                                      |
|-----|----------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| A   | B              | C                                                                       | D                                                                       | 1         | 2                                                                                            |
| 92  | 03.3443.0464   | Dẫn lưu túi mật                                                         | Dẫn lưu túi mật                                                         | 2,367,100 | Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối. |
| 93  | 03.3444.0464   | Dẫn lưu nang ống mật chủ                                                | Dẫn lưu nang ống mật chủ                                                | 2,367,100 | Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối. |
| 94  | 03.3454.0464   | Nối nang tụy - dạ dày                                                   | Nối nang tụy - dạ dày                                                   | 2,367,100 | Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối. |
| 95  | 03.3458.0493   | Dẫn lưu áp xe tụy                                                       | Dẫn lưu áp xe tụy                                                       | 2,432,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 96  | 03.3460.0464   | Dẫn lưu túi mật và dẫn lưu hậu cung mạc nối kèm lấy tổ chức tụy hoại tử | Dẫn lưu túi mật và dẫn lưu hậu cung mạc nối kèm lấy tổ chức tụy hoại tử | 2,367,100 | Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối. |
| 97  | 03.3469.0416   | Cắt đơn vị thận phụ với niệu quản lạc chỗ trong thận niệu quản đối      | Cắt đơn vị thận phụ với niệu quản lạc chỗ trong thận niệu quản đối      | 3,578,400 | Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy                     |
| 98  | 03.3470.0416   | Cắt toàn bộ thận và niệu quản                                           | Cắt toàn bộ thận và niệu quản                                           | 3,578,400 | Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy                     |
| 99  | 03.3471.0416   | Cắt thận đơn thuần                                                      | Cắt thận đơn thuần                                                      | 3,578,400 | Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy                     |
| 100 | 03.3472.0416   | Cắt một nửa thận                                                        | Cắt một nửa thận                                                        | 3,578,400 | Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy                     |
| 101 | 03.3475.0421   | Lấy sỏi san hô thận                                                     | Lấy sỏi san hô thận                                                     | 3,546,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 102 | 03.3476.0421   | Lấy sỏi mở bể thận trong xoang                                          | Lấy sỏi mở bể thận trong xoang                                          | 3,546,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 103 | 03.3477.0421   | Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận                            | Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận                            | 3,546,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 104 | 03.3478.0421   | Lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt                       | Lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt                       | 3,546,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 105 | 03.3479.0421   | Lấy sỏi bể thận ngoài xoang                                             | Lấy sỏi bể thận ngoài xoang                                             | 3,546,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 106 | 03.3482.0464   | Dẫn lưu đài bể thận qua da                                              | Dẫn lưu đài bể thận qua da [nhĩ]                                        | 2,367,100 | Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối. |
| 107 | 03.3489.0464   | Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận                                 | Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận                                 | 2,367,100 | Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối. |
| 108 | 03.3492.0421   | Lấy sỏi niệu quản                                                       | Lấy sỏi niệu quản                                                       | 3,546,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 109 | 03.3493.0421   | Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại                              | Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại                              | 3,546,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 110 | 03.3494.0421   | Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang                                   | Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang                                   | 3,546,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 111 | 03.3498.0464   | Dẫn lưu niệu quản ra thành bụng 1 bên/2 bên                             | Dẫn lưu niệu quản ra thành bụng 1 bên/2 bên                             | 2,367,100 | Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối. |
| 112 | 03.3503.0424   | Cắt toàn bộ bàng quang kèm tạo hình bàng quang kiểu Studder             | Cắt toàn bộ bàng quang kèm tạo hình bàng quang kiểu Studder             | 4,306,900 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 113 | 03.3510.0424   | Cắt một nửa bàng quang có tạo hình bàng ruột                            | Cắt một nửa bàng quang có tạo hình bàng ruột                            | 4,306,900 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 114 | 03.3514.0424   | Cắt toàn bộ bàng quang kèm tạo hình ruột - bàng quang                   | Cắt toàn bộ bàng quang kèm tạo hình ruột - bàng quang                   | 4,306,900 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 115 | 03.3516.0429   | Cắt đường rò bàng quang - rốn, khâu lại bàng quang                      | Cắt đường rò bàng quang - rốn, khâu lại bàng quang                      | 3,854,100 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 116 | 03.3517.0421   | Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang                         | Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang                         | 3,546,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 117 | 03.3521.0429   | Phẫu thuật rò bàng quang-âm đạo, bàng quang-tử cung, trực tràng         | Phẫu thuật rò bàng quang-âm đạo, bàng quang-tử cung, trực tràng         | 3,854,100 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 118 | 03.3522.0424   | Cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da                               | Cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da                               | 4,306,900 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 119 | 03.3527.0425   | Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang                                      | Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang                                      | 4,734,100 | Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.                                  |
| 120 | 03.3530.0429   | Cắt đường rò bàng quang rốn, khâu lại bàng quang                        | Cắt đường rò bàng quang rốn, khâu lại bàng quang                        | 3,854,100 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 121 | 03.3531.0421   | Mổ lấy sỏi bàng quang                                                   | Mổ lấy sỏi bàng quang                                                   | 3,546,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 122 | 03.3543.0434   | Cắt nối niệu đạo trước                                                  | Cắt nối niệu đạo trước                                                  | 3,676,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 123 | 03.3544.0434   | Cắt nối niệu đạo sau                                                    | Cắt nối niệu đạo sau                                                    | 3,676,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 124 | 03.3545.0434   | Cấp cứu nối niệu đạo do vỡ xương chậu                                   | Cấp cứu nối niệu đạo do vỡ xương chậu                                   | 3,676,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 125 | 03.3586.0435   | Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ                                                | Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ                                                | 2,035,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 126 | 03.3587.0435   | Phẫu thuật hạ lại tinh hoàn                                             | Phẫu thuật hạ lại tinh hoàn                                             | 2,035,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 127 | 03.3589.0492   | Phẫu thuật thoát vị bẹn ben nghệt                                       | Phẫu thuật thoát vị bẹn ben nghệt                                       | 2,816,800 | Chưa bao gồm tam nang nang, kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc                            |
| 128 | 03.3590.0492   | Phẫu thuật thoát vị đùi đùi nghệt                                       | Phẫu thuật thoát vị đùi đùi nghệt                                       | 2,816,800 | Chưa bao gồm tam nang nang, kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc                            |
| 129 | 03.3595.0662   | Tách màng ngăn âm hộ                                                    | Tách màng ngăn âm hộ                                                    | 2,212,300 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |



| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT23/2024/TT-BYT                                                                | Tên dịch vụ phê duyệt giá                                                                         | GIÁ THU   | Ghi chú                                                                                                                                                        |
|-----|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A   | B              | C                                                                                                 | D                                                                                                 | 1         | 2                                                                                                                                                              |
| 130 | 03.3598.0491   | Phẫu thuật thăm dò ổ bụng và ống bẹn cho người bệnh không sờ thấy và siêu âm không thấy tinh hoàn | Phẫu thuật thăm dò ổ bụng và ống bẹn cho người bệnh không sờ thấy và siêu âm không thấy tinh hoàn | 2,276,100 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy                                                                                        |
| 131 | 03.3599.0492   | Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên                                                              | Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên                                                              | 2,816,800 | Chưa bao gồm tam mạng nang, khâu kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc                                                                                         |
| 132 | 03.3601.0435   | Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn                                                                     | Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn                                                                     | 2,035,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 133 | 03.3607.0435   | Cắt bỏ tinh hoàn                                                                                  | Cắt bỏ tinh hoàn                                                                                  | 2,035,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 134 | 03.3648.0534   | Tháo khớp vai                                                                                     | Tháo khớp vai                                                                                     | 3,175,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 135 | 03.3651.0558   | Lấy bỏ tổ chức u điều trị u xương                                                                 | Lấy bỏ tổ chức u điều trị u xương                                                                 | 3,338,600 | Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiện kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học, thuốc và oxy |
| 136 | 03.3661.0548   | Phẫu thuật điều trị vẹo khuỷu, đục sửa trục                                                       | Phẫu thuật điều trị vẹo khuỷu, đục sửa trục                                                       | 3,577,600 | Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy                                                                                                                       |
| 137 | 03.3664.0548   | Cố định Kirschner trong gãy đầu trên xương cánh tay                                               | Cố định Kirschner trong gãy đầu trên xương cánh tay                                               | 3,577,600 | Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy                                                                                                                       |
| 138 | 03.3666.0550   | Phẫu thuật cứng duỗi khớp khuỷu                                                                   | Phẫu thuật cứng duỗi khớp khuỷu                                                                   | 3,184,700 | Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, gân nhân tạo, gân sinh học, khung cố định ngoài, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương.                            |
| 139 | 03.3667.0551   | Phẫu thuật dính khớp khuỷu                                                                        | Phẫu thuật dính khớp khuỷu                                                                        | 2,390,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 140 | 03.3669.0548   | Phẫu thuật trật khớp khuỷu                                                                        | Phẫu thuật trật khớp khuỷu                                                                        | 3,577,600 | Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy                                                                                                                       |
| 141 | 03.3670.0550   | Phẫu thuật gấp khớp khuỷu do bại não                                                              | Phẫu thuật gấp khớp khuỷu do bại não                                                              | 3,184,700 | Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, gân nhân tạo, gân sinh học, khung cố định ngoài, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương.                            |
| 142 | 03.3671.0551   | Phẫu thuật dính khớp khuỷu                                                                        | Phẫu thuật dính khớp khuỷu                                                                        | 2,390,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 143 | 03.3672.0551   | Phẫu thuật dính khớp quay trụ bẩm sinh                                                            | Phẫu thuật dính khớp quay trụ bẩm sinh                                                            | 2,390,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 144 | 03.3680.0534   | Cắt cụt cánh tay                                                                                  | Cắt cụt cánh tay                                                                                  | 3,175,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 145 | 03.3681.0534   | Tháo khớp khuỷu                                                                                   | Tháo khớp khuỷu                                                                                   | 3,175,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 146 | 03.3682.0534   | Cắt cụt cẳng tay                                                                                  | Cắt cụt cẳng tay                                                                                  | 3,175,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 147 | 03.3683.0534   | Tháo khớp cổ tay                                                                                  | Tháo khớp cổ tay                                                                                  | 3,175,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 148 | 03.3685.0571   | Phẫu thuật viêm xương cánh tay: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu                             | Phẫu thuật viêm xương cánh tay: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu                             | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 149 | 03.3686.0571   | Phẫu thuật gãy mỏm trên ròng rọc xương cánh tay                                                   | Phẫu thuật gãy mỏm trên ròng rọc xương cánh tay                                                   | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 150 | 03.3687.0571   | Phẫu thuật viêm xương cẳng tay đục, mổ, nạo, dẫn lưu                                              | Phẫu thuật viêm xương cẳng tay đục, mổ, nạo, dẫn lưu                                              | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 151 | 03.3691.0577   | Phẫu thuật bàn tay cấp cứu có tổn thương phức tạp                                                 | Phẫu thuật bàn tay cấp cứu có tổn thương phức tạp                                                 | 4,304,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 152 | 03.3692.0577   | Phẫu thuật bàn tay, chỉnh hình phức tạp                                                           | Phẫu thuật bàn tay, chỉnh hình phức tạp                                                           | 4,304,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 153 | 03.3695.0571   | Phẫu thuật chuyển cơ giang ngón 1 điều trị tách ngón 1 bẩm sinh                                   | Phẫu thuật chuyển cơ giang ngón 1 điều trị tách ngón 1 bẩm sinh                                   | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 154 | 03.3710.0571   | Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa                                                                   | Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa                                                                   | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 155 | 03.3711.0571   | Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay                                                                | Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay                                                                | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 156 | 03.3716.0550   | Phẫu thuật cứng cơ may                                                                            | Phẫu thuật cứng cơ may                                                                            | 3,184,700 | Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, gân nhân tạo, gân sinh học, khung cố định ngoài, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương.                            |
| 157 | 03.3722.0548   | Phẫu thuật toác khớp mu                                                                           | Phẫu thuật toác khớp mu                                                                           | 3,577,600 | Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy                                                                                                                       |
| 158 | 03.3723.0534   | Tháo khớp háng                                                                                    | Tháo khớp háng                                                                                    | 3,175,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 159 | 03.3724.0549   | Làm cứng khớp ở tư- thể chức năng                                                                 | Làm cứng khớp ở tư- thể chức năng                                                                 | 3,262,000 | Chưa bao gồm đinh, nẹp vít, khung cố định ngoài, thuốc và oxy                                                                                                  |



| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT23/2024/TT-BYT                                                                  | Tên dịch vụ phê duyệt giá                                                                           | GIÁ THU   | Ghi chú                                                                                                                                          |
|-----|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A   | B              | C                                                                                                   | D                                                                                                   | 1         | 2                                                                                                                                                |
| 160 | 03.3726.0534   | Phẫu thuật cắt cụt đùi                                                                              | Phẫu thuật cắt cụt đùi                                                                              | 3,175,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 161 | 03.3728.0548   | Kết xương đinh nẹp khối gãy trên lồi cầu, liên lồi cầu                                              | Kết xương đinh nẹp khối gãy trên lồi cầu, liên lồi cầu                                              | 3,577,600 | Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy                                                                                                         |
| 162 | 03.3729.0571   | Phẫu thuật viêm xương khớp háng                                                                     | Phẫu thuật viêm xương khớp háng                                                                     | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 163 | 03.3740.0534   | Cắt cụt dưới mấu chuyển xương đùi                                                                   | Cắt cụt dưới mấu chuyển xương đùi                                                                   | 3,175,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 164 | 03.3741.0571   | Phẫu thuật viêm xương đùi đực, mỡ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu                                     | Phẫu thuật viêm xương đùi đực, mỡ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu                                     | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 165 | 03.3742.0550   | Phẫu thuật xơ cứng cơ thẳng trước                                                                   | Phẫu thuật xơ cứng cơ thẳng trước                                                                   | 3,184,700 | Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, gân nhân tạo, gân sinh học, khung cố định ngoài, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, thuốc và oxy |
| 166 | 03.3750.0550   | Phẫu thuật trật xương bánh chè bẩm sinh                                                             | Phẫu thuật trật xương bánh chè bẩm sinh                                                             | 3,184,700 | Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, gân nhân tạo, gân sinh học, khung cố định ngoài, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, thuốc và oxy |
| 167 | 03.3755.0534   | Tháo khớp gối                                                                                       | Tháo khớp gối                                                                                       | 3,175,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 168 | 03.3763.0559   | Phẫu thuật co gân Achilles                                                                          | Phẫu thuật co gân Achilles                                                                          | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 169 | 03.3774.0577   | Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời                                         | Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời                                         | 4,304,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 170 | 03.3775.0534   | Cắt cụt cẳng chân                                                                                   | Cắt cụt cẳng chân                                                                                   | 3,175,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 171 | 03.3776.0571   | Phẫu thuật viêm xương cẳng chân: đực, mỡ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu                              | Phẫu thuật viêm xương cẳng chân: đực, mỡ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu                              | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 172 | 03.3777.0571   | Phẫu thuật khoan xương có tưới rửa kháng sinh liên tục điều trị viêm xương tủy giai đoạn trung gian | Phẫu thuật khoan xương có tưới rửa kháng sinh liên tục điều trị viêm xương tủy giai đoạn trung gian | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 173 | 03.3783.0575   | Phẫu thuật điều trị tách bàn chân (càng cua)                                                        | Phẫu thuật điều trị tách bàn chân (càng cua)                                                        | 2,583,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 174 | 03.3792.0534   | Tháo một nửa bàn chân trước                                                                         | Tháo một nửa bàn chân trước                                                                         | 3,175,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 175 | 03.3793.0577   | Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời                                         | Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời                                         | 4,304,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 176 | 03.3795.0534   | Tháo khớp cổ chân                                                                                   | Tháo khớp cổ chân                                                                                   | 3,175,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 177 | 03.3796.0534   | Tháo khớp kiểu Pirogoff                                                                             | Tháo khớp kiểu Pirogoff                                                                             | 3,175,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 178 | 03.3797.0571   | Tháo bỏ các ngón chân                                                                               | Tháo bỏ các ngón chân                                                                               | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 179 | 03.3798.0571   | Tháo đốt bàn                                                                                        | Tháo đốt bàn                                                                                        | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 180 | 03.3800.0577   | Phẫu thuật bong lóc da và cơ phức tạp, sâu, rộng sau chấn thương                                    | Phẫu thuật bong lóc da và cơ phức tạp, sâu, rộng sau chấn thương                                    | 4,304,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 181 | 03.3803.0559   | Nối gân gấp                                                                                         | Nối gân gấp                                                                                         | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 182 | 03.3804.0559   | Gỡ dính gân                                                                                         | Gỡ dính gân                                                                                         | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 183 | 03.3805.0572   | Khâu nối thần kinh                                                                                  | Khâu nối thần kinh                                                                                  | 2,707,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 184 | 03.3806.0572   | Gỡ dính thần kinh                                                                                   | Gỡ dính thần kinh                                                                                   | 2,707,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 185 | 03.3807.0574   | Vá da đầy toàn bộ, diện tích bằng và trên 10 cm <sup>2</sup>                                        | Vá da đầy toàn bộ, diện tích bằng và trên 10 cm <sup>2</sup>                                        | 3,964,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 186 | 03.3811.0571   | Cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể                                                        | Cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể                                                        | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 187 | 03.3813.0551   | Phẫu thuật viêm khớp mũ thứ phát có sai khớp                                                        | Phẫu thuật viêm khớp mũ thứ phát có sai khớp                                                        | 2,390,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 188 | 03.3815.0493   | Dẫn lưu áp xe cơ đùi chậu                                                                           | Dẫn lưu áp xe cơ đùi chậu                                                                           | 2,432,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 189 | 03.3816.0571   | Phẫu thuật vết thương bàn tay, cắt lọc đơn thuần                                                    | Phẫu thuật vết thương bàn tay, cắt lọc đơn thuần                                                    | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 190 | 03.3819.0559   | Nối gân đuôi                                                                                        | Nối gân đuôi                                                                                        | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |



| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT23/2024/TT-BYT                              | Tên dịch vụ phê duyệt giá                                       | GIÁ THU   | Ghi chú                                                                                                                  |
|-----|----------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A   | B              | C                                                               | D                                                               | 1         | 2                                                                                                                        |
| 191 | 03.3824.0575   | Vá da dây toàn bộ, diện tích dưới 10 cm <sup>2</sup>            | Vá da dây toàn bộ, diện tích dưới 10 cm <sup>2</sup>            | 2,583,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 192 | 03.3880.0548   | Bắt vít qua khớp                                                | Bắt vít qua khớp                                                | 3,577,600 | Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy                                                                                 |
| 193 | 03.3886.0553   | Ghép trong mắt đoạn xương                                       | Ghép trong mắt đoạn xương                                       | 4,357,800 | Chưa bao gồm khung cơ định ngoại, nẹp, ốc, vít, lỏng, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, thuốc và oxy |
| 194 | 03.3919.0400   | Phẫu thuật lấy dị vật lồng ngực, ổ bụng                         | Phẫu thuật lấy dị vật lồng ngực, ổ bụng [lồng ngực]             | 2,718,800 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 195 | 03.3919.0491   | Phẫu thuật lấy dị vật lồng ngực, ổ bụng                         | Phẫu thuật lấy dị vật lồng ngực, ổ bụng [lồng ngực]             | 2,276,100 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy                                                  |
| 196 | 03.4106.0436   | Nội soi đặt sonde JJ                                            | Nội soi đặt sonde JJ                                            | 1,475,400 | Chưa bao gồm sonde JJ, thuốc và oxy                                                                                      |
| 197 | 03.4114.0426   | Nội soi cắt u bàng quang                                        | Nội soi cắt u bàng quang                                        | 3,721,800 | Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy                                                 |
| 198 | 03.4115.0426   | Nội soi cắt u bàng quang tái phát                               | Nội soi cắt u bàng quang tái phát                               | 3,721,800 | Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy                                                 |
| 199 | 03.4122.0435   | Phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn ẩn trong ổ bụng                | Phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn ẩn trong ổ bụng                | 2,035,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 200 | 04.0007.0551   | Phẫu thuật chỉnh hình khớp gối do lao                           | Phẫu thuật chỉnh hình khớp gối do lao                           | 2,390,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 201 | 04.0012.0551   | Phẫu thuật nạo viêm lao xương sườn                              | Phẫu thuật nạo viêm lao xương sườn                              | 2,390,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 202 | 04.0013.0551   | Phẫu thuật nạo viêm lao khớp ức sườn, khớp ức đòn               | Phẫu thuật nạo viêm lao khớp ức sườn, khớp ức đòn               | 2,390,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 203 | 04.0014.0551   | Phẫu thuật nạo viêm lao khớp vai                                | Phẫu thuật nạo viêm lao khớp vai                                | 2,390,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 204 | 04.0015.0551   | Phẫu thuật nạo viêm lao khớp khuỷu                              | Phẫu thuật nạo viêm lao khớp khuỷu                              | 2,390,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 205 | 04.0016.0551   | Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cổ-bàn tay                         | Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cổ-bàn tay                         | 2,390,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 206 | 04.0017.0571   | Phẫu thuật nạo viêm lao xương cánh tay                          | Phẫu thuật nạo viêm lao xương cánh tay                          | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 207 | 04.0018.0571   | Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng tay                          | Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng tay                          | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 208 | 04.0019.0571   | Phẫu thuật nạo viêm lao xương đốt bàn - ngón tay                | Phẫu thuật nạo viêm lao xương đốt bàn - ngón tay                | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 209 | 04.0020.0551   | Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cùng chậu                          | Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cùng chậu                          | 2,390,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 210 | 04.0021.0571   | Phẫu thuật nạo viêm lao xương chậu                              | Phẫu thuật nạo viêm lao xương chậu                              | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 211 | 04.0022.0551   | Phẫu thuật nạo viêm lao khớp háng                               | Phẫu thuật nạo viêm lao khớp háng                               | 2,390,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 212 | 04.0023.0551   | Phẫu thuật nạo viêm lao khớp gối                                | Phẫu thuật nạo viêm lao khớp gối                                | 2,390,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 213 | 04.0024.0551   | Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cổ-bàn chân                        | Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cổ-bàn chân                        | 2,390,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 214 | 04.0025.0571   | Phẫu thuật nạo viêm lao xương đùi                               | Phẫu thuật nạo viêm lao xương đùi                               | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 215 | 04.0026.0571   | Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng chân                         | Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng chân                         | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 216 | 04.0027.0571   | Phẫu thuật nạo viêm lao xương bàn-ngón chân                     | Phẫu thuật nạo viêm lao xương bàn-ngón chân                     | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 217 | 04.0028.0493   | Phẫu thuật dẫn lưu áp xe lạnh thất lưng do lao                  | Phẫu thuật dẫn lưu áp xe lạnh thất lưng do lao                  | 2,432,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 218 | 04.0029.0493   | Phẫu thuật dẫn lưu áp xe lạnh hố chậu do lao                    | Phẫu thuật dẫn lưu áp xe lạnh hố chậu do lao                    | 2,432,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 219 | 04.0035.1114   | Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao hạch cổ             | Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao hạch cổ             | 2,389,900 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 220 | 04.0036.1114   | Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao thành ngực          | Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao thành ngực          | 2,389,900 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 221 | 04.0037.1114   | Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao các khớp ngoại biên | Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao các khớp ngoại biên | 2,389,900 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |



| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT23/2024/TT-BYT                                                   | Tên dịch vụ phê duyệt giá                                                            | GIÁ THU   | Ghi chú                                                                  |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------|
| A   | B              | C                                                                                    | D                                                                                    | 1         | 2                                                                        |
| 222 | 04.0038.0571   | Phẫu thuật nạo viêm lao thành ngực                                                   | Phẫu thuật nạo viêm lao thành ngực                                                   | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                |
| 223 | 04.0039.0571   | Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng cổ                                                   | Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng cổ                                                   | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                |
| 224 | 04.0040.0571   | Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng nách                                                 | Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng nách                                                 | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                |
| 225 | 04.0041.0571   | Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng bẹn                                                  | Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng bẹn                                                  | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                |
| 226 | 07.0218.0571   | Cắt đoạn xương bàn chân trên người bệnh đái tháo đường                               | Cắt đoạn xương bàn chân trên người bệnh đái tháo đường                               | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                |
| 227 | 07.0219.1144   | Nạo xương viêm trên người bệnh đái tháo đường                                        | Nạo xương viêm trên người bệnh đái tháo đường                                        | 2,092,800 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                |
| 228 | 07.0220.1144   | Tháo khớp ngón chân trên người bệnh đái tháo đường                                   | Tháo khớp ngón chân trên người bệnh đái tháo đường                                   | 2,092,800 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                |
| 229 | 07.0221.0574   | Ghép da tự thân bằng mảnh da tròn nhỏ                                                | Ghép da tự thân bằng mảnh da tròn nhỏ                                                | 3,964,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                |
| 230 | 07.0222.0575   | Ghép da tự thân bằng mảnh da dài mỏng trên người bệnh đái tháo đường                 | Ghép da tự thân bằng mảnh da dài mỏng trên người bệnh đái tháo đường                 | 2,583,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                |
| 231 | 07.0223.0574   | Ghép da tự thân bằng mảnh da mắt lưới trên người bệnh đái tháo đường                 | Ghép da tự thân bằng mảnh da mắt lưới trên người bệnh đái tháo đường                 | 3,964,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                |
| 232 | 07.0224.0574   | Ghép da tự thân bằng các mảnh da lớn, dày toàn lớp da trên người bệnh đái tháo đường | Ghép da tự thân bằng các mảnh da lớn, dày toàn lớp da trên người bệnh đái tháo đường | 3,964,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                |
| 233 | 10.0001.0577   | Phẫu thuật xử lý vết thương đa đầu phức tạp                                          | Phẫu thuật xử lý vết thương đa đầu phức tạp                                          | 4,304,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                |
| 234 | 10.0037.0571   | Phẫu thuật điều trị viêm xương đốt sống                                              | Phẫu thuật điều trị viêm xương đốt sống                                              | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                |
| 235 | 10.0152.0410   | Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi                                        | Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi                                        | 1,696,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                |
| 236 | 10.0238.0400   | Phẫu thuật dẫn lưu dịch khoang màng tim                                              | Phẫu thuật dẫn lưu dịch khoang màng tim                                              | 2,718,800 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                |
| 237 | 10.0252.0399   | Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ bụng - động mạch tạng                               | Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ bụng - động mạch tạng                               | 2,093,600 | Chưa bao gồm mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, thuốc và oxy     |
| 238 | 10.0260.0399   | Phẫu thuật tạo thông động - tĩnh mạch để chạy thận nhân tạo                          | Phẫu thuật tạo thông động - tĩnh mạch để chạy thận nhân tạo                          | 2,093,600 | Chưa bao gồm mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, thuốc và oxy     |
| 239 | 10.0264.0407   | Phẫu thuật cắt u máu lớn (đường kính $\geq 10$ cm)                                   | Phẫu thuật cắt u máu lớn (đường kính $\geq 10$ cm)                                   | 2,436,100 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                |
| 240 | 10.0265.0407   | Phẫu thuật cắt u máu nhỏ (đường kính $< 10$ cm)                                      | Phẫu thuật cắt u máu nhỏ (đường kính $< 10$ cm)                                      | 2,436,100 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                |
| 241 | 10.0284.0410   | Phẫu thuật mở ngực nhỏ tạo dính màng phổi                                            | Phẫu thuật mở ngực nhỏ tạo dính màng phổi                                            | 1,696,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                |
| 242 | 10.0289.0400   | Mở ngực thăm dò, sinh thiết                                                          | Mở ngực thăm dò, sinh thiết                                                          | 2,718,800 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                |
| 243 | 10.0299.0421   | Lấy sỏi thận bệnh lý, thận móng ngựa, thận đa nang                                   | Lấy sỏi thận bệnh lý, thận móng ngựa, thận đa nang                                   | 3,546,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                |
| 244 | 10.0301.0416   | Cắt thận thận phụ (thận dư số) với niệu quản lạc chỗ                                 | Cắt thận thận phụ (thận dư số) với niệu quản lạc chỗ                                 | 3,578,400 | Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy |
| 245 | 10.0302.0416   | Cắt toàn bộ thận và niệu quản                                                        | Cắt toàn bộ thận và niệu quản                                                        | 3,578,400 | Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy |
| 246 | 10.0303.0416   | Cắt thận đơn thuần                                                                   | Cắt thận đơn thuần                                                                   | 3,578,400 | Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy |
| 247 | 10.0304.0416   | Cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)                                                 | Cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)                                                 | 3,578,400 | Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy |
| 248 | 10.0305.0710   | Phẫu thuật treo thận                                                                 | Phẫu thuật treo thận                                                                 | 2,433,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                |
| 249 | 10.0306.0421   | Lấy sỏi san hô thận                                                                  | Lấy sỏi san hô thận                                                                  | 3,546,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                |
| 250 | 10.0307.0421   | Lấy sỏi mở bể thận trong xoang                                                       | Lấy sỏi mở bể thận trong xoang                                                       | 3,546,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                |
| 251 | 10.0308.0421   | Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận                                         | Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận                                         | 3,546,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                |
| 252 | 10.0309.0421   | Lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt                                    | Lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt                                    | 3,546,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                |
| 253 | 10.0310.0421   | Lấy sỏi bể thận ngoài xoang                                                          | Lấy sỏi bể thận ngoài xoang                                                          | 3,546,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                |
| 254 | 10.0314.0416   | Cắt eo thận móng ngựa                                                                | Cắt eo thận móng ngựa                                                                | 3,578,400 | Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy |
| 255 | 10.0317.0436   | Dẫn lưu bể thận tối thiểu                                                            | Dẫn lưu bể thận tối thiểu                                                            | 1,475,400 | Chưa bao gồm sonde JJ, thuốc và oxy                                      |



| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT23/2024/TT-BYT                                         | Tên dịch vụ phê duyệt giá                                                  | GIÁ THU   | Ghi chú                                                                                      |
|-----|----------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| A   | B              | C                                                                          | D                                                                          | 1         | 2                                                                                            |
| 256 | 10.0319.0436   | Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận                                    | Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận                                    | 1,475,400 | Chưa bao gồm sonde JJ, thuốc và oxy                                                          |
| 257 | 10.0322.0416   | Cắt thận rộng rãi + nạo vét hạch                                           | Cắt thận rộng rãi + nạo vét hạch                                           | 3,578,400 | Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy                     |
| 258 | 10.0325.0421   | Lấy sỏi niệu quản đơn thuần                                                | Lấy sỏi niệu quản đơn thuần                                                | 3,546,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 259 | 10.0326.0421   | Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại                                 | Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại                                 | 3,546,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 260 | 10.0327.0421   | Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang                                      | Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang                                      | 3,546,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 261 | 10.0330.0429   | Phẫu thuật rò niệu quản - âm đạo                                           | Phẫu thuật rò niệu quản - âm đạo                                           | 3,854,100 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 262 | 10.0334.0464   | Đưa niệu quản ra da đơn thuần ± thắt ĐM chậu trong                         | Đưa niệu quản ra da đơn thuần ± thắt ĐM chậu trong                         | 2,367,100 | Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối. |
| 263 | 10.0337.0424   | Cắt toàn bộ bàng quang kèm tạo hình bàng quang kiểu Studder, Camey         | Cắt toàn bộ bàng quang kèm tạo hình bàng quang kiểu Studder, Camey         | 4,306,900 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 264 | 10.0345.0424   | Cắt toàn bộ bàng quang, cấm niệu quản vào ruột                             | Cắt toàn bộ bàng quang, cấm niệu quản vào ruột                             | 4,306,900 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 265 | 10.0346.0429   | Phẫu thuật rò bàng quang-âm đạo, bàng quang-tử cung, trực tràng            | Phẫu thuật rò bàng quang-âm đạo, bàng quang-tử cung, trực tràng            | 3,854,100 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 266 | 10.0347.0424   | Cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da                                  | Cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da                                  | 4,306,900 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 267 | 10.0349.0424   | Cắt cổ bàng quang                                                          | Cắt cổ bàng quang                                                          | 4,306,900 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 268 | 10.0350.0434   | Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang                                           | Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang                                           | 3,676,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 269 | 10.0352.0425   | Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang                                         | Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang                                         | 4,734,100 | Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.                                  |
| 270 | 10.0355.0421   | Lấy sỏi bàng quang                                                         | Lấy sỏi bàng quang                                                         | 3,546,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 271 | 10.0356.0436   | Dẫn lưu nước tiểu bàng quang                                               | Dẫn lưu nước tiểu bàng quang                                               | 1,475,400 | Chưa bao gồm sonde JJ, thuốc và oxy                                                          |
| 272 | 10.0357.0436   | Dẫn lưu áp xe khoang Retzius                                               | Dẫn lưu áp xe khoang Retzius                                               | 1,475,400 | Chưa bao gồm sonde JJ, thuốc và oxy                                                          |
| 273 | 10.0358.0424   | Cắt bàng quan toàn bộ, nạo vét hạch và chuyển lưu dòng nước tiểu bàng ruột | Cắt bàng quan toàn bộ, nạo vét hạch và chuyển lưu dòng nước tiểu bàng ruột | 4,306,900 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 274 | 10.0360.0425   | Cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang                                  | Cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang                                  | 4,734,100 | Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.                                  |
| 275 | 10.0364.0434   | Phẫu thuật sa niệu đạo nữ                                                  | Phẫu thuật sa niệu đạo nữ                                                  | 3,676,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 276 | 10.0367.0434   | Cắt nối niệu đạo trước                                                     | Cắt nối niệu đạo trước                                                     | 3,676,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 277 | 10.0368.0434   | Cắt nối niệu đạo sau                                                       | Cắt nối niệu đạo sau                                                       | 3,676,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 278 | 10.0369.0434   | Cấp cứu nối niệu đạo do vỡ xương chậu                                      | Cấp cứu nối niệu đạo do vỡ xương chậu                                      | 3,676,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 279 | 10.0370.0436   | Đưa một đầu niệu đạo ra ngoài da                                           | Đưa một đầu niệu đạo ra ngoài da                                           | 1,475,400 | Chưa bao gồm sonde JJ, thuốc và oxy                                                          |
| 280 | 10.0371.0436   | Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nước tiểu                                | Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nước tiểu                                | 1,475,400 | Chưa bao gồm sonde JJ, thuốc và oxy                                                          |
| 281 | 10.0372.0436   | Phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt                                           | Phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt                                           | 1,475,400 | Chưa bao gồm sonde JJ, thuốc và oxy                                                          |
| 282 | 10.0373.0434   | Phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, tạo hình một thi                             | Phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, tạo hình một thi                             | 3,676,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 283 | 10.0374.0435   | Phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, tạo hình thi 2                               | Phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, tạo hình thi 2                               | 2,035,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 284 | 10.0375.0432   | Bóc u tiền liệt tuyến qua đường sau xương mu                               | Bóc u tiền liệt tuyến qua đường sau xương mu                               | 4,228,900 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 285 | 10.0376.0432   | Bóc u tiền liệt tuyến qua đường bàng quang                                 | Bóc u tiền liệt tuyến qua đường bàng quang                                 | 4,228,900 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 286 | 10.0378.0436   | Dẫn lưu bàng quang, đặt Tuteur niệu đạo                                    | Dẫn lưu bàng quang, đặt Tuteur niệu đạo                                    | 1,475,400 | Chưa bao gồm sonde JJ, thuốc và oxy                                                          |
| 287 | 10.0383.0436   | Đặt ống Stent chữa bí đái do phì đại tiền liệt tuyến                       | Đặt ống Stent chữa bí đái do phì đại tiền liệt tuyến                       | 1,475,400 | Chưa bao gồm stent, thuốc và oxy                                                             |
| 288 | 10.0386.0435   | Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ                                                   | Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ                                                   | 2,035,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 289 | 10.0391.0435   | Phẫu thuật tạo hình điều trị lỗ niệu đạo mặt lưng dương vật                | Phẫu thuật tạo hình điều trị lỗ niệu đạo mặt lưng dương vật                | 2,035,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 290 | 10.0394.0435   | Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ                                         | Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ                                         | 2,035,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 291 | 10.0403.0436   | Phẫu thuật chữa cương cứng dương vật                                       | Phẫu thuật chữa cương cứng dương vật                                       | 1,475,400 | Chưa bao gồm sonde JJ, thuốc và oxy                                                          |
| 292 | 10.0406.0435   | Cắt bỏ tinh hoàn                                                           | Cắt bỏ tinh hoàn                                                           | 2,035,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 293 | 10.0407.0435   | Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn                                              | Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn                                              | 2,035,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 294 | 10.0414.0400   | Mở ngực thăm dò                                                            | Mở ngực thăm dò                                                            | 2,718,800 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |
| 295 | 10.0415.0400   | Mở ngực thăm dò, sinh thiết                                                | Mở ngực thăm dò, sinh thiết                                                | 2,718,800 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                    |



| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT23/2024/TT-BYT                                         | Tên dịch vụ phê duyệt giá                                                  | GIÁ THU   | Ghi chú                                                                                                      |
|-----|----------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A   | B              | C                                                                          | D                                                                          | 1         | 2                                                                                                            |
| 296 | 10.0416.0491   | Mở thông dạ dày                                                            | Mở thông dạ dày                                                            | 2,276,100 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy                                      |
| 297 | 10.0417.0491   | Đưa thực quản ra ngoài                                                     | Đưa thực quản ra ngoài                                                     | 2,276,100 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy                                      |
| 298 | 10.0418.0493   | Dẫn lưu áp xe thực quản, trung thất                                        | Dẫn lưu áp xe thực quản, trung thất                                        | 2,432,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                    |
| 299 | 10.0451.0491   | Mở bụng thăm dò                                                            | Mở bụng thăm dò                                                            | 2,276,100 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy                                      |
| 300 | 10.0452.0491   | Mở bụng thăm dò, sinh thiết                                                | Mở bụng thăm dò, sinh thiết                                                | 2,276,100 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy                                      |
| 301 | 10.0453.0464   | Nổi vị trắng                                                               | Nổi vị trắng                                                               | 2,367,100 | Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.                 |
| 302 | 10.0473.0459   | Cắt u tá tràng                                                             | Cắt u tá tràng                                                             | 2,277,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                    |
| 303 | 10.0475.0459   | Khâu vùi túi thừa tá tràng                                                 | Khâu vùi túi thừa tá tràng                                                 | 2,277,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                    |
| 304 | 10.0476.0459   | Cắt túi thừa tá tràng                                                      | Cắt túi thừa tá tràng                                                      | 2,277,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                    |
| 305 | 10.0479.0491   | Mở thông hồng tràng hoặc mở thông hồi tràng                                | Mở thông hồng tràng hoặc mở thông hồi tràng                                | 2,276,100 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy                                      |
| 306 | 10.0492.0493   | Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng                           | Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng                           | 2,432,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                    |
| 307 | 10.0506.0459   | Cắt ruột thừa đơn thuần                                                    | Cắt ruột thừa đơn thuần                                                    | 2,277,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                    |
| 308 | 10.0507.0459   | Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng                                              | Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng                                              | 2,277,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                    |
| 309 | 10.0508.0459   | Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ áp xe                                             | Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ áp xe                                             | 2,277,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                    |
| 310 | 10.0509.0493   | Dẫn lưu áp xe ruột thừa                                                    | Dẫn lưu áp xe ruột thừa                                                    | 2,432,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                    |
| 311 | 10.0510.0459   | Các phẫu thuật ruột thừa khác                                              | Các phẫu thuật ruột thừa khác                                              | 2,277,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                    |
| 312 | 10.0511.0491   | Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng                                           | Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng                                           | 2,276,100 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy                                      |
| 313 | 10.0524.0491   | Lâm hậu môn nhân tạo                                                       | Lâm hậu môn nhân tạo                                                       | 2,276,100 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy                                      |
| 314 | 10.0525.0491   | Lâm hậu môn nhân tạo                                                       | Lâm hậu môn nhân tạo                                                       | 2,276,100 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy                                      |
| 315 | 10.0533.0494   | Cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn                                      | Cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn                                      | 2,276,400 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy |
| 316 | 10.0539.0494   | Bóc u xơ, cơ... trực tràng đường tăng sinh môn                             | Bóc u xơ, cơ... trực tràng đường tăng sinh môn                             | 2,276,400 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy |
| 317 | 10.0547.0494   | Phẫu thuật cắt 1 búi trĩ                                                   | Phẫu thuật cắt 1 búi trĩ                                                   | 2,276,400 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy |
| 318 | 10.0548.0494   | Phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch                                                | Phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch                                                | 2,276,400 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy |
| 319 | 10.0549.0494   | Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan - Morgan hoặc Ferguson) | Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan - Morgan hoặc Ferguson) | 2,276,400 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy |
| 320 | 10.0550.0494   | Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ hỗ trợ                     | Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ hỗ trợ                     | 2,276,400 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy |
| 321 | 10.0551.0494   | Phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng                                            | Phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng                                            | 2,276,400 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy |
| 322 | 10.0554.0494   | Phẫu thuật khâu treo và triệt mạch trĩ (THD)                               | Phẫu thuật khâu treo và triệt mạch trĩ (THD)                               | 2,276,400 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy |
| 323 | 10.0555.0494   | Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản                      | Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản                      | 2,276,400 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy |



| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT23/2024/TT-BYT                                             | Tên dịch vụ phê duyệt giá                                                      | GIÁ THU   | Ghi chú                                                                                                      |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A   | B              | C                                                                              | D                                                                              | 1         | 2                                                                                                            |
| 324 | 10.0556.0494   | Phẫu thuật điều trị áp xe hậu môn phức tạp                                     | Phẫu thuật điều trị áp xe hậu môn phức tạp                                     | 2,276,400 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy |
| 325 | 10.0557.0494   | Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản                                        | Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản                                        | 2,276,400 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy |
| 326 | 10.0558.0494   | Phẫu thuật điều trị rò hậu môn phức tạp                                        | Phẫu thuật điều trị rò hậu môn phức tạp                                        | 2,276,400 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy |
| 327 | 10.0559.0494   | Phẫu thuật điều trị rò hậu môn cắt cơ thắt trên chi chờ                        | Phẫu thuật điều trị rò hậu môn cắt cơ thắt trên chi chờ                        | 2,276,400 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy |
| 328 | 10.0561.0494   | Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong (vị trí 3h và 9h)               | Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong (vị trí 3h và 9h)               | 2,276,400 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy |
| 329 | 10.0562.0494   | Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong vị trí 6h, tạo hình hậu môn     | Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong vị trí 6h, tạo hình hậu môn     | 2,276,400 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy |
| 330 | 10.0563.0494   | Điều trị hẹp hậu môn bằng cắt vòng xơ, tạo hình hậu môn                        | Điều trị hẹp hậu môn bằng cắt vòng xơ, tạo hình hậu môn                        | 2,276,400 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy |
| 331 | 10.0564.0491   | Phẫu thuật điều trị bệnh Rectocelle                                            | Phẫu thuật điều trị bệnh Rectocelle                                            | 2,276,100 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy                                      |
| 332 | 10.0569.0624   | Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn                                        | Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn                                        | 1,569,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                    |
| 333 | 10.0570.0624   | Phẫu thuật điều trị đại tiện mất tự chủ                                        | Phẫu thuật điều trị đại tiện mất tự chủ                                        | 1,569,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                    |
| 334 | 10.0571.0632   | Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn đơn giản                    | Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn đơn giản                    | 1,959,100 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                    |
| 335 | 10.0572.0577   | Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn phức tạp                    | Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn phức tạp                    | 4,304,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                    |
| 336 | 10.0574.0491   | Thăm dò, sinh thiết gan                                                        | Thăm dò, sinh thiết gan                                                        | 2,276,100 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy                                      |
| 337 | 10.0616.0493   | Dẫn lưu áp xe gan                                                              | Dẫn lưu áp xe gan                                                              | 2,432,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                    |
| 338 | 10.0617.0493   | Dẫn lưu áp xe tồn dư sau mổ gan                                                | Dẫn lưu áp xe tồn dư sau mổ gan                                                | 2,432,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                    |
| 339 | 10.0618.0491   | Thăm dò kết hợp với tiêm cồn hoặc đốt sóng cao tần hoặc áp lạnh                | Thăm dò kết hợp với tiêm cồn hoặc đốt sóng cao tần hoặc áp lạnh                | 2,276,100 | Chưa bao gồm kim đốt sóng cao tần, thuốc và oxy                                                              |
| 340 | 10.0638.0464   | Mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật                                            | Mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật                                            | 2,367,100 | Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy    |
| 341 | 10.0641.0464   | Dẫn lưu nang tụy                                                               | Dẫn lưu nang tụy                                                               | 2,367,100 | Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy    |
| 342 | 10.0642.0464   | Nối nang tụy với tá tràng                                                      | Nối nang tụy với tá tràng                                                      | 2,367,100 | Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy    |
| 343 | 10.0643.0464   | Nối nang tụy với dạ dày                                                        | Nối nang tụy với dạ dày                                                        | 2,367,100 | Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy    |
| 344 | 10.0644.0464   | Nối nang tụy với hồng tràng                                                    | Nối nang tụy với hồng tràng                                                    | 2,367,100 | Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy    |
| 345 | 10.0669.0464   | Lấy tổ chức tụy hoại tử, dẫn lưu                                               | Lấy tổ chức tụy hoại tử, dẫn lưu                                               | 2,367,100 | Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy    |
| 346 | 10.0679.0492   | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini                      | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini                      | 2,816,800 | Chưa bao gồm tam mạng nang, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy                                |
| 347 | 10.0680.0492   | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice                    | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice                    | 2,816,800 | Chưa bao gồm tam mạng nang, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy                                |
| 348 | 10.0681.0492   | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice | 2,816,800 | Chưa bao gồm tam mạng nang, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy                                |
| 349 | 10.0682.0492   | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein                 | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein                 | 2,816,800 | Chưa bao gồm tam mạng nang, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy                                |
| 350 | 10.0683.0492   | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát                                      | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát                                      | 2,816,800 | Chưa bao gồm tam mạng nang, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy                                |
| 351 | 10.0684.0492   | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn                                               | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn                                               | 2,816,800 | Chưa bao gồm tam mạng nang, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy                                |
| 352 | 10.0685.0492   | Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi                                               | Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi                                               | 2,816,800 | Chưa bao gồm tam mạng nang, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy                                |
| 353 | 10.0686.0492   | Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng                                 | Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng                                 | 2,816,800 | Chưa bao gồm tam mạng nang, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy                                |
| 354 | 10.0687.0492   | Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác                                   | Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác                                   | 2,816,800 | Chưa bao gồm tam mạng nang, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy                                |
| 355 | 10.0695.0492   | Phẫu thuật cắt u cơ hoành                                                      | Phẫu thuật cắt u cơ hoành                                                      | 2,816,800 | Chưa bao gồm tam mạng nang, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy                                |



| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT23/2024/TT-BYT                                                      | Tên dịch vụ phê duyệt giá                                                               | GIÁ THU   | Ghi chú                                                                                                                                          |
|-----|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A   | B              | C                                                                                       | D                                                                                       | 1         | 2                                                                                                                                                |
| 356 | 10.0698.0628   | Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác vết mổ                                      | Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác vết mổ                                      | 2,104,300 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 357 | 10.0701.0491   | Mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu                                            | Mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu                                            | 2,276,100 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy                                                                          |
| 358 | 10.0716.0551   | Phẫu thuật tháo khớp vai                                                                | Phẫu thuật tháo khớp vai                                                                | 2,390,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 359 | 10.0727.0553   | Phẫu thuật kết hợp xương khớp giả xương cánh tay                                        | Phẫu thuật kết hợp xương khớp giả xương cánh tay                                        | 4,357,800 | Chưa bao gồm khung cơ định ngoài, nẹp, ốc, vít, lỏng, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, thuốc và oxy                         |
| 360 | 10.0734.0548   | Phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu                                                  | Phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu                                                  | 3,577,600 | Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy                                                                                                         |
| 361 | 10.0735.0548   | Phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu phức tạp                                         | Phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu phức tạp                                         | 3,577,600 | Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy                                                                                                         |
| 362 | 10.0744.0548   | Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật khớp cổ tay                                           | Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật khớp cổ tay                                           | 3,577,600 | Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy                                                                                                         |
| 363 | 10.0748.0559   | Phẫu thuật tổn thương dây chằng của đốt bàn - ngón tay                                  | Phẫu thuật tổn thương dây chằng của đốt bàn - ngón tay                                  | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 364 | 10.0749.0559   | Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay                                     | Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay                                     | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 365 | 10.0750.0559   | Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay                                    | Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay                                    | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 366 | 10.0751.0559   | Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn - cổ tay                                              | Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn - cổ tay                                              | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 367 | 10.0752.0559   | Phẫu thuật tổn thương gân gấp ở vùng cẳng (Vùng II)                                     | Phẫu thuật tổn thương gân gấp ở vùng cẳng (Vùng II)                                     | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 368 | 10.0755.0548   | Phẫu thuật kết hợp xương toác khớp mu (trật khớp)                                       | Phẫu thuật kết hợp xương toác khớp mu (trật khớp)                                       | 3,577,600 | Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy                                                                                                         |
| 369 | 10.0772.0548   | Phẫu thuật kết hợp xương gãy bánh chè                                                   | Phẫu thuật kết hợp xương gãy bánh chè                                                   | 3,577,600 | Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy                                                                                                         |
| 370 | 10.0773.0548   | Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bánh chè phức tạp                                    | Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bánh chè phức tạp                                    | 3,577,600 | Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy                                                                                                         |
| 371 | 10.0774.0559   | Phẫu thuật lấy toàn bộ xương bánh chè                                                   | Phẫu thuật lấy toàn bộ xương bánh chè                                                   | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 372 | 10.0790.0548   | Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp Lisfranc                                             | Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp Lisfranc                                             | 3,577,600 | Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy                                                                                                         |
| 373 | 10.0791.0548   | Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật đốt bàn ngón chân                                     | Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật đốt bàn ngón chân                                     | 3,577,600 | Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy                                                                                                         |
| 374 | 10.0796.0548   | Phẫu thuật kết hợp xương gãy hờ độ II trên và liên lồi cầu xương đùi                    | Phẫu thuật kết hợp xương gãy hờ độ II trên và liên lồi cầu xương đùi                    | 3,577,600 | Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy                                                                                                         |
| 375 | 10.0797.0548   | Phẫu thuật kết hợp xương gãy hờ độ III trên và liên lồi cầu xương đùi                   | Phẫu thuật kết hợp xương gãy hờ độ III trên và liên lồi cầu xương đùi                   | 3,577,600 | Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy                                                                                                         |
| 376 | 10.0804.0548   | Phẫu thuật kết hợp xương gãy hờ liên lồi cầu xương cánh tay                             | Phẫu thuật kết hợp xương gãy hờ liên lồi cầu xương cánh tay                             | 3,577,600 | Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy                                                                                                         |
| 377 | 10.0807.0577   | Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động                                    | Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động                                    | 4,304,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 378 | 10.0808.0577   | Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan vận động                                        | Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan vận động                                        | 4,304,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 379 | 10.0810.0559   | Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi                                       | Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi                                       | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 380 | 10.0811.0559   | Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp                                       | Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp                                       | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 381 | 10.0812.0577   | Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương thần kinh giữa, thần kinh trụ, thần kinh quay | Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương thần kinh giữa, thần kinh trụ, thần kinh quay | 4,304,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 382 | 10.0818.0559   | Phẫu thuật tạo hình tổn thương dây chằng mạn tính của ngón I                            | Phẫu thuật tạo hình tổn thương dây chằng mạn tính của ngón I                            | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 383 | 10.0824.0559   | Phẫu thuật tái tạo dây chằng xương thuyền                                               | Phẫu thuật tái tạo dây chằng xương thuyền                                               | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 384 | 10.0825.0559   | Phẫu thuật Tái tạo tổn thương mạn tính dây chằng xương thuyền                           | Phẫu thuật Tái tạo tổn thương mạn tính dây chằng xương thuyền                           | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 385 | 10.0826.0559   | Phẫu thuật tái tạo dây chằng bên của ngón I bàn tay                                     | Phẫu thuật tái tạo dây chằng bên của ngón I bàn tay                                     | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 386 | 10.0839.0559   | Khâu tổn thương gân gấp vùng I, III, IV, V                                              | Khâu tổn thương gân gấp vùng I, III, IV, V                                              | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 387 | 10.0840.0559   | Khâu tổn thương gân gấp bàn tay ở vùng II                                               | Khâu tổn thương gân gấp bàn tay ở vùng II                                               | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 388 | 10.0841.0559   | Tái tạo phục hồi tổn thương gân gấp 2 thì                                               | Tái tạo phục hồi tổn thương gân gấp 2 thì                                               | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 389 | 10.0842.0559   | Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi                                                       | Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi                                                       | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 390 | 10.0843.0550   | Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng                               | Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng                               | 3,184,700 | Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, gân nhân tạo, gân sinh học, khung cố định ngoài, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, thuốc và oxy |
| 391 | 10.0845.0549   | Phẫu thuật làm cứng khớp quay Trụ dưới                                                  | Phẫu thuật làm cứng khớp quay Trụ dưới                                                  | 3,262,000 | Chưa bao gồm đinh, nẹp vít, khung cố định ngoài, thuốc và oxy                                                                                    |
| 392 | 10.0846.0549   | Phẫu thuật làm cứng khớp cổ tay                                                         | Phẫu thuật làm cứng khớp cổ tay                                                         | 3,262,000 | Chưa bao gồm đinh, nẹp vít, khung cố định ngoài, thuốc và oxy                                                                                    |
| 393 | 10.0847.0551   | Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay                         | Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay                         | 2,390,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |



| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT23/2024/TT-BYT                                 | Tên dịch vụ phê duyệt giá                                          | GIÁ THU   | Ghi chú                                                                                                                                          |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A   | B              | C                                                                  | D                                                                  | 1         | 2                                                                                                                                                |
| 394 | 10.0849.0549   | Phẫu thuật làm cứng khớp bàn, ngón tay                             | Phẫu thuật làm cứng khớp bàn, ngón tay                             | 3,262,000 | Chưa bao gồm đinh, nẹp vít, khung cố định ngoài, thuốc và oxy                                                                                    |
| 395 | 10.0850.0575   | Phẫu thuật tạo hình điều trị tật dính ngón tay                     | Phẫu thuật tạo hình điều trị tật dính ngón tay                     | 2,583,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 396 | 10.0851.0571   | Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay                     | Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay                     | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 397 | 10.0856.0551   | Chỉnh hình tật dính quay trụ trên bảu sinh                         | Chỉnh hình tật dính quay trụ trên bảu sinh                         | 2,390,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 398 | 10.0857.0550   | Chỉnh hình bệnh cơ rút nhị đầu và cơ cánh tay trước                | Chỉnh hình bệnh cơ rút nhị đầu và cơ cánh tay trước                | 3,184,700 | Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, gân nhân tạo, gân sinh học, khung cố định ngoài, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, thuốc và oxy |
| 399 | 10.0859.0571   | Phẫu thuật bệnh lý nhiễm trùng bàn tay                             | Phẫu thuật bệnh lý nhiễm trùng bàn tay                             | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 400 | 10.0861.0577   | Thương tích bàn tay phức tạp                                       | Thương tích bàn tay phức tạp                                       | 4,304,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 401 | 10.0862.0571   | Phẫu thuật làm móm cụt ngón và đốt bàn ngón                        | Phẫu thuật làm móm cụt ngón và đốt bàn ngón                        | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 402 | 10.0863.0534   | Phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay                              | Phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay                              | 3,175,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 403 | 10.0869.0548   | Phẫu thuật kết hợp xương chấn thương Lisfranc và bàn chân giữa     | Phẫu thuật kết hợp xương chấn thương Lisfranc và bàn chân giữa     | 3,577,600 | Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy                                                                                                         |
| 404 | 10.0871.0548   | Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cổ chân                         | Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cổ chân                         | 3,577,600 | Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy                                                                                                         |
| 405 | 10.0872.0548   | Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp dưới sên                        | Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp dưới sên                        | 3,577,600 | Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy                                                                                                         |
| 406 | 10.0873.0548   | Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật khớp cổ chân ở trẻ em            | Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật khớp cổ chân ở trẻ em            | 3,577,600 | Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy                                                                                                         |
| 407 | 10.0874.0571   | Cột chấn thương cổ và bàn chân                                     | Cột chấn thương cổ và bàn chân                                     | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 408 | 10.0875.0559   | Phẫu thuật tổn thương gân chày trước                               | Phẫu thuật tổn thương gân chày trước                               | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 409 | 10.0876.0559   | Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I                          | Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I                          | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 410 | 10.0877.0559   | Phẫu thuật tổn thương gân Achilles                                 | Phẫu thuật tổn thương gân Achilles                                 | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 411 | 10.0878.0559   | Phẫu thuật tổn thương gân cơ mác bên                               | Phẫu thuật tổn thương gân cơ mác bên                               | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 412 | 10.0879.0559   | Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I                           | Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I                           | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 413 | 10.0880.0559   | Phẫu thuật tổn thương gân cơ chày sau                              | Phẫu thuật tổn thương gân cơ chày sau                              | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 414 | 10.0881.0559   | Phẫu thuật điều trị tổn thương gân cơ chóp xoay                    | Phẫu thuật điều trị tổn thương gân cơ chóp xoay                    | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 415 | 10.0882.0559   | Phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu                                      | Phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu                                      | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 416 | 10.0883.0559   | Phẫu thuật điều trị gân bánh chè                                   | Phẫu thuật điều trị gân bánh chè                                   | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 417 | 10.0884.0559   | Phẫu thuật điều trị đứt gân cơ nhị đầu đùi                         | Phẫu thuật điều trị đứt gân cơ nhị đầu đùi                         | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 418 | 10.0885.0559   | Phẫu thuật điều trị đứt gân Achilles                               | Phẫu thuật điều trị đứt gân Achilles                               | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 419 | 10.0886.0559   | Phẫu thuật điều trị đứt gân Achilles tới muộn                      | Phẫu thuật điều trị đứt gân Achilles tới muộn                      | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 420 | 10.0889.0559   | Chuyển gân điều trị liệt thần kinh mác chung                       | Chuyển gân điều trị liệt thần kinh mác chung                       | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                          |
| 421 | 10.0900.0550   | Phẫu thuật xơ cứng gân cơ tứ đầu đùi                               | Phẫu thuật xơ cứng gân cơ tứ đầu đùi                               | 3,184,700 | Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, gân nhân tạo, gân sinh học, khung cố định ngoài, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, thuốc và oxy |
| 422 | 10.0901.0550   | Phẫu thuật xơ cứng gân cơ tam đầu cánh tay                         | Phẫu thuật xơ cứng gân cơ tam đầu cánh tay                         | 3,184,700 | Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, gân nhân tạo, gân sinh học, khung cố định ngoài, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, thuốc và oxy |
| 423 | 10.0902.0550   | Phẫu thuật xơ cứng cơ ức đòn chũm                                  | Phẫu thuật xơ cứng cơ ức đòn chũm                                  | 3,184,700 | Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, gân nhân tạo, gân sinh học, khung cố định ngoài, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, thuốc và oxy |
| 424 | 10.0903.0550   | Phẫu thuật xơ cứng trật khớp gối                                   | Phẫu thuật xơ cứng trật khớp gối                                   | 3,184,700 | Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, gân nhân tạo, gân sinh học, khung cố định ngoài, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, thuốc và oxy |
| 425 | 10.0904.0548   | Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay | Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay | 3,577,600 | Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy                                                                                                         |



| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT23/2024/TT-BYT                                            | Tên dịch vụ phê duyệt giá                                                     | GIÁ THU   | Ghi chú                                                                                                                                                        |
|-----|----------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A   | B              | C                                                                             | D                                                                             | 1         | 2                                                                                                                                                              |
| 426 | 10.0906.0548   | Phẫu thuật kết hợp xương bằng K.Wire điều trị gãy trên lồi cầu xương cánh tay | Phẫu thuật kết hợp xương bằng K.Wire điều trị gãy trên lồi cầu xương cánh tay | 3,577,600 | Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy                                                                                                                       |
| 427 | 10.0907.0551   | Phẫu thuật cứng gối theo phương pháp JUDET                                    | Phẫu thuật cứng gối theo phương pháp JUDET                                    | 2,390,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 428 | 10.0909.0548   | Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay                     | Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay                     | 3,577,600 | Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy                                                                                                                       |
| 429 | 10.0910.0548   | Phẫu thuật kết hợp xương gãy rỗng rọc xương cánh tay                          | Phẫu thuật kết hợp xương gãy rỗng rọc xương cánh tay                          | 3,577,600 | Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy                                                                                                                       |
| 430 | 10.0911.0548   | Phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu                                           | Phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu                                           | 3,577,600 | Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy                                                                                                                       |
| 431 | 10.0928.0550   | Phẫu thuật tạo hình điều trị cứng gối sau chấn thương                         | Phẫu thuật tạo hình điều trị cứng gối sau chấn thương                         | 3,184,700 | Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, gân nhân tạo, gân sinh học, khung cố định ngoài, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, thuốc và oxy               |
| 432 | 10.0940.0579   | Phẫu thuật vi phẫu nối mạch chi                                               | Phẫu thuật vi phẫu nối mạch chi                                               | 6,349,400 | Chưa bao gồm mạch nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                                       |
| 433 | 10.0942.0534   | Phẫu thuật cắt cụt chi                                                        | Phẫu thuật cắt cụt chi                                                        | 3,175,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 434 | 10.0943.0534   | Phẫu thuật tháo khớp chi                                                      | Phẫu thuật tháo khớp chi                                                      | 3,175,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 435 | 10.0944.0550   | Phẫu thuật xơ cứng đơn giản                                                   | Phẫu thuật xơ cứng đơn giản                                                   | 3,184,700 | Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, gân nhân tạo, gân sinh học, khung cố định ngoài, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, thuốc và oxy               |
| 436 | 10.0945.0550   | Phẫu thuật xơ cứng phức tạp                                                   | Phẫu thuật xơ cứng phức tạp                                                   | 3,184,700 | Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, gân nhân tạo, gân sinh học, khung cố định ngoài, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, thuốc và oxy               |
| 437 | 10.0947.0571   | Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm                                           | Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm                                           | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 438 | 10.0948.0548   | Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cổ xương cánh tay                             | Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cổ xương cánh tay                             | 3,577,600 | Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy                                                                                                                       |
| 439 | 10.0949.0548   | Phẫu thuật đặt lại khớp, găm kim cố định (buộc vòng chỉ thép)                 | Phẫu thuật đặt lại khớp, găm kim cố định (buộc vòng chỉ thép)                 | 3,577,600 | Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy                                                                                                                       |
| 440 | 10.0950.0549   | Phẫu thuật làm cứng khớp gối                                                  | Phẫu thuật làm cứng khớp gối                                                  | 3,262,000 | Chưa bao gồm đinh, nẹp vít, khung cố định ngoài, thuốc và oxy                                                                                                  |
| 441 | 10.0951.0551   | Phẫu thuật gỡ đinh khớp gối                                                   | Phẫu thuật gỡ đinh khớp gối                                                   | 2,390,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 442 | 10.0952.0571   | Phẫu thuật sửa mỏm cụt chi                                                    | Phẫu thuật sửa mỏm cụt chi                                                    | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 443 | 10.0953.0571   | Phẫu thuật sửa mỏm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón)                            | Phẫu thuật sửa mỏm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón)                            | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 444 | 10.0954.0576   | Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu                           | Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu                           | 2,149,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 445 | 10.0955.0577   | Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp                                       | Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp                                       | 4,304,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 446 | 10.0956.0551   | Phẫu thuật làm sạch ổ khớp                                                    | Phẫu thuật làm sạch ổ khớp                                                    | 2,390,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 447 | 10.0958.0549   | Phẫu thuật đóng cứng khớp khác                                                | Phẫu thuật đóng cứng khớp khác                                                | 3,262,000 | Chưa bao gồm đinh, nẹp vít, khung cố định ngoài, thuốc và oxy                                                                                                  |
| 448 | 10.0961.0575   | Phẫu thuật vá da diện tích từ 5-10 cm <sup>2</sup>                            | Phẫu thuật vá da diện tích từ 5-10 cm <sup>2</sup>                            | 2,583,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 449 | 10.0962.0574   | Phẫu thuật vá da diện tích >10 cm <sup>2</sup>                                | Phẫu thuật vá da diện tích >10 cm <sup>2</sup>                                | 3,964,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 450 | 10.0963.0559   | Phẫu thuật nối gân duỗi/kéo dài gân(1 gân)                                    | Phẫu thuật nối gân duỗi/kéo dài gân(1 gân)                                    | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 451 | 10.0964.0559   | Phẫu thuật nối gân gấp/kéo dài gân (1 gân)                                    | Phẫu thuật nối gân gấp/kéo dài gân (1 gân)                                    | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                                                        |
| 452 | 10.0966.0572   | Phẫu thuật nối thần kinh (1 dây)                                              | Phẫu thuật nối thần kinh (1 dây)                                              | 2,707,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 453 | 10.0967.0558   | Phẫu thuật lấy bỏ u xương                                                     | Phẫu thuật lấy bỏ u xương                                                     | 3,338,600 | Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiện kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học, thuốc và oxy |
| 454 | 10.0968.0553   | Phẫu thuật ghép xương tự thân                                                 | Phẫu thuật ghép xương tự thân                                                 | 4,357,800 | Chưa bao gồm khung cơ định ngoài, nẹp, ốc, vít, lỏng, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, thuốc và oxy                                       |
| 455 | 10.0969.0553   | Phẫu thuật ghép xương nhân tạo                                                | Phẫu thuật ghép xương nhân tạo                                                | 4,357,800 | Chưa bao gồm khung cơ định ngoài, nẹp, ốc, vít, lỏng, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, thuốc và oxy                                       |
| 456 | 10.0971.0558   | Lấy u xương (ghép xi măng)                                                    | Lấy u xương (ghép xi măng)                                                    | 3,338,600 | Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiện kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học, thuốc và oxy |



| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT23/2024/TT-BYT                                            | Tên dịch vụ phê duyệt giá                                                     | GIÁ THU   | Ghi chú                                                                                                                          |
|-----|----------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A   | B              | C                                                                             | D                                                                             | 1         | 2                                                                                                                                |
| 457 | 10.0972.0407   | Phẫu thuật U máu                                                              | Phẫu thuật U máu                                                              | 2,436,100 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                        |
| 458 | 10.0973.0551   | Phẫu thuật gỡ dính gân gấp                                                    | Phẫu thuật gỡ dính gân gấp                                                    | 2,390,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                        |
| 459 | 10.0974.0551   | Phẫu thuật gỡ dính gân duỗi                                                   | Phẫu thuật gỡ dính gân duỗi                                                   | 2,390,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                        |
| 460 | 10.0975.0551   | Phẫu thuật gỡ dính thần kinh                                                  | Phẫu thuật gỡ dính thần kinh                                                  | 2,390,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                        |
| 461 | 10.0979.0571   | Phẫu thuật viêm xương                                                         | Phẫu thuật viêm xương                                                         | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                        |
| 462 | 10.0980.0571   | Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết                                          | Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết                                          | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                        |
| 463 | 10.0982.0551   | Phẫu thuật viên tẩy bao hoạt dịch bàn tay                                     | Phẫu thuật viên tẩy bao hoạt dịch bàn tay                                     | 2,390,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                        |
| 464 | 10.0983.0551   | Phẫu thuật vết thương khớp                                                    | Phẫu thuật vết thương khớp                                                    | 2,390,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                        |
| 465 | 10.1039.0553   | Phẫu thuật ghép xương trong chấn thương cột sống cổ                           | Phẫu thuật ghép xương trong chấn thương cột sống cổ                           | 4,357,800 | Chưa bao gồm khung cơ định ngoại, nẹp, ốc, vít, lỏng, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, thuốc                |
| 466 | 10.1076.0553   | Ghép xương trong phẫu thuật chấn thương cột sống thắt lưng                    | Ghép xương trong phẫu thuật chấn thương cột sống thắt lưng                    | 4,357,800 | Chưa bao gồm khung cơ định ngoại, nẹp, ốc, vít, lỏng, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, thuốc                |
| 467 | 10.1083.0568   | Tạo hình thân đốt sống bằng bơm cement sinh học qua cuống                     | Tạo hình thân đốt sống bằng bơm cement sinh học qua cuống                     | 4,846,800 | Chưa bao gồm kim chọc, xi măng sinh học hoặc hóa học, hệ thống bơm xi măng, bộ bơm xi măng có bóng hoặc không bóng, thuốc và oxy |
| 468 | 10.1084.0568   | Tạo hình thân đốt sống bằng bơm cement sinh học có bóng                       | Tạo hình thân đốt sống bằng bơm cement sinh học có bóng                       | 4,846,800 | Chưa bao gồm kim chọc, xi măng sinh học hoặc hóa học, hệ thống bơm xi măng, bộ bơm xi măng có bóng hoặc không bóng, thuốc và oxy |
| 469 | 10.1085.0568   | Tạo hình thân đốt sống bằng bơm cement sinh học có lồng titan                 | Tạo hình thân đốt sống bằng bơm cement sinh học có lồng titan                 | 4,846,800 | Chưa bao gồm kim chọc, xi măng sinh học hoặc hóa học, hệ thống bơm xi măng, bộ bơm xi măng có bóng hoặc không bóng, thuốc và oxy |
| 470 | 10.1086.0568   | Bơm ciment qua đường ngoài cuống vào thân đốt sống                            | Bơm ciment qua đường ngoài cuống vào thân đốt sống                            | 4,846,800 | Chưa bao gồm kim chọc, xi măng sinh học hoặc hóa học, hệ thống bơm xi măng, bộ bơm xi măng có bóng hoặc không bóng, thuốc và oxy |
| 471 | 10.1113.0398   | Phẫu thuật đặt Catheter ổ bụng để lọc màng bụng chu kỳ                        | Phẫu thuật đặt Catheter ổ bụng để lọc màng bụng chu kỳ                        | 7,164,500 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                        |
| 472 | 11.0056.1119   | Ghép da đồng loại dưới 10% diện tích cơ thể                                   | Ghép da đồng loại dưới 10% diện tích cơ thể                                   | 1,311,100 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                        |
| 473 | 11.0072.0534   | Cắt cụt cấp cứu chi thể bồng không còn khả năng bảo tồn điều trị bồng sâu     | Cắt cụt cấp cứu chi thể bồng không còn khả năng bảo tồn điều trị bồng sâu     | 3,175,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                        |
| 474 | 11.0073.0534   | Cắt cụt chi thể bồng không còn khả năng bảo tồn điều trị bồng sâu             | Cắt cụt chi thể bồng không còn khả năng bảo tồn điều trị bồng sâu             | 3,175,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                        |
| 475 | 11.0074.0534   | Tháo khớp chi thể bồng không còn khả năng bảo tồn điều trị bồng sâu           | Tháo khớp chi thể bồng không còn khả năng bảo tồn điều trị bồng sâu           | 3,175,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                        |
| 476 | 11.0075.1143   | Phẫu thuật khoan đục xương, lấy bỏ xương chết trong điều trị bồng sâu         | Phẫu thuật khoan đục xương, lấy bỏ xương chết trong điều trị bồng sâu         | 2,850,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                        |
| 477 | 11.0076.1143   | Phẫu thuật khoan, đục xương sọ trong điều trị bồng sâu có tổn thương xương sọ | Phẫu thuật khoan, đục xương sọ trong điều trị bồng sâu có tổn thương xương sọ | 2,850,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                        |
| 478 | 11.0103.1114   | Cắt sẹo khâu kín                                                              | Cắt sẹo khâu kín                                                              | 2,389,900 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                        |
| 479 | 11.0104.1113   | Cắt sẹo ghép da mảnh trung bình                                               | Cắt sẹo ghép da mảnh trung bình                                               | 2,906,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                        |
| 480 | 11.0106.1135   | Kỹ thuật đặt túi giãn da điều trị sẹo bồng                                    | Kỹ thuật đặt túi giãn da điều trị sẹo bồng                                    | 3,103,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                        |
| 481 | 11.0107.1135   | Phẫu thuật cắt sẹo, lấy bỏ túi giãn da, tạo hình ổ khuyết                     | Phẫu thuật cắt sẹo, lấy bỏ túi giãn da, tạo hình ổ khuyết                     | 3,103,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                        |
| 482 | 11.0158.1112   | Cắt lọc mô hoại tử vết thương mạn tính bằng dao thủy lực                      | Cắt lọc mô hoại tử vết thương mạn tính bằng dao thủy lực                      | 2,951,300 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                        |
| 483 | 11.0159.1144   | Cắt lọc hoại tử ổ loét vết thương mạn tính                                    | Cắt lọc hoại tử ổ loét vết thương mạn tính                                    | 2,092,800 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                        |
| 484 | 11.0161.1144   | Phẫu thuật cắt đáy ổ loét mạn tính, khâu kín                                  | Phẫu thuật cắt đáy ổ loét mạn tính, khâu kín                                  | 2,092,800 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                        |
| 485 | 11.0169.1138   | Kỹ thuật tiêm huyết tương giàu tiểu cầu điều trị vết thương mạn tính          | Kỹ thuật tiêm huyết tương giàu tiểu cầu điều trị vết thương mạn tính          | 3,333,000 | Chưa bao gồm bộ kit tách huyết tương, thuốc và oxy                                                                               |
| 486 | 12.0093.0915   | Vết hạch cổ bảo tồn                                                           | Vết hạch cổ bảo tồn                                                           | 2,908,400 | Chưa bao gồm dao siêu âm, thuốc và oxy                                                                                           |
| 487 | 12.0155.0915   | Lấy hạch cổ chọn lọc hoặc vết hạch cổ bảo tồn 1 bên                           | Lấy hạch cổ chọn lọc hoặc vết hạch cổ bảo tồn 1 bên                           | 2,908,400 | Chưa bao gồm dao siêu âm, thuốc và oxy                                                                                           |



| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT23/2024/TT-BYT                                             | Tên dịch vụ phê duyệt giá                                                      | GIÁ THU   | Ghi chú                                                                                                                                                        |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A   | B              | C                                                                              | D                                                                              | 1         | 2                                                                                                                                                              |
| 488 | 12.0156.0915   | Lấy hạch cổ chọn lọc hoặc vết hạch cổ bảo tồn                                  | Lấy hạch cổ chọn lọc hoặc vết hạch cổ bảo tồn                                  | 2,908,400 | Chưa bao gồm dao siêu âm, thuốc và oxy                                                                                                                         |
| 489 | 12.0166.0400   | Mở lồng ngực thăm dò, sinh thiết                                               | Mở lồng ngực thăm dò, sinh thiết                                               | 2,718,800 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 490 | 12.0167.0558   | Cắt u xương sườn 1 xương                                                       | Cắt u xương sườn 1 xương                                                       | 3,338,600 | Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiện kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học, thuốc và oxy |
| 491 | 12.0169.0400   | Phẫu thuật bóc kén màng phổi                                                   | Phẫu thuật bóc kén màng phổi                                                   | 2,718,800 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 492 | 12.0170.0400   | Phẫu thuật bóc kén trong nhu mô phổi                                           | Phẫu thuật bóc kén trong nhu mô phổi                                           | 2,718,800 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 493 | 12.0171.0400   | Phẫu thuật cắt kén khí phổi                                                    | Phẫu thuật cắt kén khí phổi                                                    | 2,718,800 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 494 | 12.0173.0558   | Cắt u xương sườn nhiều xương                                                   | Cắt u xương sườn nhiều xương                                                   | 3,338,600 | Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiện kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học, thuốc và oxy |
| 495 | 12.0191.0407   | Cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính 5 - 10 cm                        | Cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính 5 - 10 cm                        | 2,436,100 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 496 | 12.0203.0491   | Mở thông dạ dày ra da do ung thư                                               | Mở thông dạ dày ra da do ung thư                                               | 2,276,100 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy                                                                                        |
| 497 | 12.0215.0491   | Làm hậu môn nhân tạo                                                           | Làm hậu môn nhân tạo                                                           | 2,276,100 | Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy                                                                                        |
| 498 | 12.0243.0425   | Cắt u bàng quang đường trên                                                    | Cắt u bàng quang đường trên                                                    | 4,734,100 | Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy                                                                                       |
| 499 | 12.0252.0434   | Cắt cắt toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài do ung thư                              | Cắt cắt toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài do ung thư                              | 3,676,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 500 | 12.0253.0434   | Cắt cắt toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài do ung thư + nạo vết hạch bên hai bên   | Cắt cắt toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài do ung thư + nạo vết hạch bên hai bên   | 3,676,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 501 | 12.0254.0592   | Cắt âm vật, vết hạch bên 2 bên do ung thư                                      | Cắt âm vật, vết hạch bên 2 bên do ung thư                                      | 3,387,300 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 502 | 12.0255.0598   | Phẫu thuật lấy dây chằng rộng, u dây chằng, u tiểu khung                       | Phẫu thuật lấy dây chằng rộng, u dây chằng, u tiểu khung                       | 5,932,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 503 | 12.0257.0416   | Cắt thận và niệu quản do u niệu quản, u đường tiết niệu                        | Cắt thận và niệu quản do u niệu quản, u đường tiết niệu                        | 3,578,400 | Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy                                                                                       |
| 504 | 12.0259.0416   | Cắt ung thư thận có hoặc không vết hạch hệ thống                               | Cắt ung thư thận có hoặc không vết hạch hệ thống                               | 3,578,400 | Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy                                                                                       |
| 505 | 12.0260.0416   | Cắt toàn bộ thận và niệu quản                                                  | Cắt toàn bộ thận và niệu quản                                                  | 3,578,400 | Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy                                                                                       |
| 506 | 12.0266.0434   | Cắt bỏ dương vật ung thư có vết hạch                                           | Cắt bỏ dương vật ung thư có vết hạch                                           | 3,676,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 507 | 12.0267.0653   | Cắt u vú lành tính                                                             | Cắt u vú lành tính                                                             | 2,595,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 508 | 12.0269.0653   | Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú                                               | Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú                                               | 2,595,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 509 | 12.0276.0683   | Cắt buồng trứng, hai bên phần phụ trong điều trị ung thư vú                    | Cắt buồng trứng, hai bên phần phụ trong điều trị ung thư vú                    | 2,651,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 510 | 12.0278.0655   | Cắt polyp cổ tử cung                                                           | Cắt polyp cổ tử cung                                                           | 1,535,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 511 | 12.0280.0683   | Cắt u nang buồng trứng xoắn                                                    | Cắt u nang buồng trứng xoắn                                                    | 2,651,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 512 | 12.0281.0683   | Cắt u nang buồng trứng                                                         | Cắt u nang buồng trứng                                                         | 2,651,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 513 | 12.0283.0683   | Cắt u nang buồng trứng và phần phụ                                             | Cắt u nang buồng trứng và phần phụ                                             | 2,651,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 514 | 12.0284.0683   | Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ                         | Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ                         | 2,651,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 515 | 12.0289.0654   | Phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung                                             | Phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung                                             | 3,329,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 516 | 12.0291.0681   | Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng                                                | Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng                                                | 3,536,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 517 | 12.0292.0682   | Cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + vết hạch chậu                             | Cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + vết hạch chậu                             | 5,879,900 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 518 | 12.0295.0598   | Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung | Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung | 5,932,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 519 | 12.0297.0661   | Cắt toàn bộ tử cung, hai phần phụ và mạc nối lớn điều trị ung thư buồng trứng  | Cắt toàn bộ tử cung, hai phần phụ và mạc nối lớn điều trị ung thư buồng trứng  | 5,953,300 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 520 | 12.0299.0683   | Phẫu thuật mở bụng cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên người bệnh có thai     | Phẫu thuật mở bụng cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên người bệnh có thai     | 2,651,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 521 | 12.0300.0661   | Cắt ung thư buồng trứng lan rộng                                               | Cắt ung thư buồng trứng lan rộng                                               | 5,953,300 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |



| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT23/2024/TT-BYT                                                                         | Tên dịch vụ phê duyệt giá                                                                                  | GIÁ THU   | Ghi chú                                                                                                                                                        |
|-----|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A   | B              | C                                                                                                          | D                                                                                                          | 1         | 2                                                                                                                                                              |
| 522 | 12.0301.0703   | Phẫu thuật second-look trong ung thư buồng trứng                                                           | Phẫu thuật second-look trong ung thư buồng trứng                                                           | 3,668,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 523 | 12.0302.0590   | Bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi di căn âm đạo                                                             | Bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi di căn âm đạo                                                             | 2,369,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 524 | 12.0303.0633   | Mở bụng bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi bào tử cung                                                       | Mở bụng bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi bào tử cung                                                       | 2,945,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 525 | 12.0304.0592   | Cắt âm hộ ung thư, vét hạch bên hai bên                                                                    | Cắt âm hộ ung thư, vét hạch bên hai bên                                                                    | 3,387,300 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 526 | 12.0305.0593   | Cắt bỏ âm hộ đơn thuần                                                                                     | Cắt bỏ âm hộ đơn thuần                                                                                     | 2,249,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 527 | 12.0306.0597   | Cắt u thành âm đạo                                                                                         | Cắt u thành âm đạo                                                                                         | 1,716,500 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 528 | 12.0323.0653   | Phẫu thuật phi đại tuyến vú nam                                                                            | Phẫu thuật phi đại tuyến vú nam                                                                            | 2,595,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 529 | 12.0324.0558   | Cắt u xương sụn lành tính                                                                                  | Cắt u xương sụn lành tính                                                                                  | 3,338,600 | Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiện kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học, thuốc và oxy |
| 530 | 12.0325.0558   | Cắt u xương, sụn                                                                                           | Cắt u xương, sụn                                                                                           | 3,338,600 | Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiện kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học, thuốc và oxy |
| 531 | 12.0326.0534   | Cắt chi và vét hạch do ung thư                                                                             | Cắt chi và vét hạch do ung thư                                                                             | 3,175,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 532 | 12.0327.0534   | Tháo khớp cổ tay do ung thư                                                                                | Tháo khớp cổ tay do ung thư                                                                                | 3,175,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 533 | 12.0328.0534   | Cắt cụt cánh tay do ung thư                                                                                | Cắt cụt cánh tay do ung thư                                                                                | 3,175,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 534 | 12.0329.0534   | Tháo khớp khuỷu tay do ung thư                                                                             | Tháo khớp khuỷu tay do ung thư                                                                             | 3,175,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 535 | 12.0333.0551   | Tháo khớp gối do ung thư                                                                                   | Tháo khớp gối do ung thư                                                                                   | 2,390,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 536 | 12.0334.0534   | Tháo khớp háng do ung thư                                                                                  | Tháo khớp háng do ung thư                                                                                  | 3,175,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 537 | 12.0335.0534   | Cắt cụt cẳng chân do ung thư                                                                               | Cắt cụt cẳng chân do ung thư                                                                               | 3,175,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 538 | 12.0336.0534   | Cắt cụt đùi do ung thư                                                                                     | Cắt cụt đùi do ung thư                                                                                     | 3,175,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 539 | 12.0339.0558   | Cắt u nang tiêu xương, ghép xương                                                                          | Cắt u nang tiêu xương, ghép xương                                                                          | 3,338,600 | Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiện kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học, thuốc và oxy |
| 540 | 12.0340.0558   | Cắt u tế bào khổng lồ, ghép xương                                                                          | Cắt u tế bào khổng lồ, ghép xương                                                                          | 3,338,600 | Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiện kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học, thuốc và oxy |
| 541 | 12.0448.1187   | Đặt buồng tiêm truyền dưới da                                                                              | Đặt buồng tiêm truyền dưới da                                                                              | 1,029,600 | Chưa bao gồm buồng tiêm truyền, thuốc và oxy                                                                                                                   |
| 542 | 13.0001.0676   | Phẫu thuật lấy thai và cắt tử cung trong rau cải răng lược                                                 | Phẫu thuật lấy thai và cắt tử cung trong rau cải răng lược                                                 | 7,223,900 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 543 | 13.0002.0672   | Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên                                                                        | Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên                                                                        | 2,631,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 544 | 13.0003.0674   | Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo mổ bụng cũ phức tạp                                             | Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo mổ bụng cũ phức tạp                                             | 3,193,100 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 545 | 13.0004.0675   | Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh mắc bệnh toàn thân (tim, thận, gan, huyết học, nội tiết...)            | Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh mắc bệnh toàn thân (tim, thận, gan, huyết học, nội tiết...)            | 3,578,900 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 546 | 13.0005.0675   | Phẫu thuật lấy thai do bệnh lý sản khoa (rau tiền đạo, rau bong non, tiền sản giật, sản giật...)           | Phẫu thuật lấy thai do bệnh lý sản khoa (rau tiền đạo, rau bong non, tiền sản giật, sản giật...)           | 3,578,900 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 547 | 13.0006.0673   | Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng, HIV-AIDS, H5N1, tiêu chảy cấp...) | Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng, HIV-AIDS, H5N1, tiêu chảy cấp...) | 5,268,900 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 548 | 13.0007.0671   | Phẫu thuật lấy thai lần đầu                                                                                | Phẫu thuật lấy thai lần đầu                                                                                | 1,773,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 549 | 13.0008.0670   | Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B-lynch...)              | Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B-lynch...)              | 3,211,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 550 | 13.0011.0707   | Phẫu thuật thắt động mạch hạ vị trong cấp cứu sản phụ khoa                                                 | Phẫu thuật thắt động mạch hạ vị trong cấp cứu sản phụ khoa                                                 | 3,783,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 551 | 13.0012.0708   | Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa                                               | Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa                                               | 2,751,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |
| 552 | 13.0013.0649   | Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung                                                                   | Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung                                                                   | 3,713,100 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                                                      |



| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT23/2024/TT-BYT                                                 | Tên dịch vụ phê duyệt giá                                                          | GIÁ THU   | Ghi chú                   |
|-----|----------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------|
| A   | B              | C                                                                                  | D                                                                                  | 1         | 2                         |
| 553 | 13.0017.0652   | Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại tử cung sau mổ lấy thai                        | Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại tử cung sau mổ lấy thai                        | 3,576,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 554 | 13.0018.0625   | Khâu tử cung do nạo thủng                                                          | Khâu tử cung do nạo thủng                                                          | 2,475,900 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 555 | 13.0032.0632   | Lấy khối máu tụ âm đạo, tăng sinh môn                                              | Lấy khối máu tụ âm đạo, tăng sinh môn                                              | 1,959,100 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 556 | 13.0044.0621   | Hủy thai: cắt thai nhi trong ngôi ngang                                            | Hủy thai: cắt thai nhi trong ngôi ngang                                            | 1,990,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 557 | 13.0056.0682   | Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn và vét hạch chậu                          | Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn và vét hạch chậu                          | 5,879,900 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 558 | 13.0059.0661   | Phẫu thuật cắt ung thư- buồng trứng + tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn | Phẫu thuật cắt ung thư- buồng trứng + tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn | 5,953,300 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 559 | 13.0060.0703   | Phẫu thuật second-look trong ung thư buồng trứng                                   | Phẫu thuật second-look trong ung thư buồng trứng                                   | 3,668,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 560 | 13.0061.0598   | Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cầm máu trong tiểu khung     | Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cầm máu trong tiểu khung     | 5,932,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 561 | 13.0062.0711   | Phẫu thuật Wertheim (cắt tử cung tận gốc + vét hạch)                               | Phẫu thuật Wertheim (cắt tử cung tận gốc + vét hạch)                               | 5,263,300 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 562 | 13.0067.0657   | Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo                                                | Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo                                                | 3,396,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 563 | 13.0068.0681   | Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn                                           | Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn                                           | 3,536,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 564 | 13.0069.0681   | Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn cả khối                                   | Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn cả khối                                   | 3,536,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 565 | 13.0070.0681   | Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần                                            | Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần                                            | 3,536,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 566 | 13.0071.0679   | Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung                                                | Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung                                                | 2,872,900 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 567 | 13.0072.0683   | Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ                             | Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ                             | 2,651,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 568 | 13.0074.0686   | Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, úm vú với trứng | Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, úm vú với trứng | 3,888,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 569 | 13.0075.0668   | Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung                                               | Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung                                               | 2,782,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 570 | 13.0092.0683   | Phẫu thuật chữa ngoài tử cung không có chướng                                      | Phẫu thuật chữa ngoài tử cung không có chướng                                      | 2,651,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 571 | 13.0095.0684   | Phẫu thuật mở bụng tạo hình vòi trứng, nối lại vòi trứng                           | Phẫu thuật mở bụng tạo hình vòi trứng, nối lại vòi trứng                           | 4,428,500 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 572 | 13.0098.0709   | Phẫu thuật treo bàng quang và trực tràng sau mổ sa sinh dục                        | Phẫu thuật treo bàng quang và trực tràng sau mổ sa sinh dục                        | 3,780,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 573 | 13.0100.0610   | Đặt mảnh ghép tổng hợp điều trị sa tạng vùng chậu                                  | Đặt mảnh ghép tổng hợp điều trị sa tạng vùng chậu                                  | 5,350,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 574 | 13.0101.0666   | Phẫu thuật Crossen                                                                 | Phẫu thuật Crossen                                                                 | 3,670,500 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 575 | 13.0102.0678   | Phẫu thuật Manchester                                                              | Phẫu thuật Manchester                                                              | 3,504,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 576 | 13.0103.0677   | Phẫu thuật Lefort                                                                  | Phẫu thuật Lefort                                                                  | 2,495,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 577 | 13.0104.0677   | Phẫu thuật Labhart                                                                 | Phẫu thuật Labhart                                                                 | 2,495,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 578 | 13.0105.0710   | Phẫu thuật treo tử cung                                                            | Phẫu thuật treo tử cung                                                            | 2,433,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 579 | 13.0107.0704   | Phẫu thuật tạo hình âm đạo (nội soi kết hợp đường dưới)                            | Phẫu thuật tạo hình âm đạo (nội soi kết hợp đường dưới)                            | 5,840,100 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 580 | 13.0108.0705   | Phẫu thuật tạo hình âm đạo do dị dạng (đường dưới)                                 | Phẫu thuật tạo hình âm đạo do dị dạng (đường dưới)                                 | 3,501,900 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 581 | 13.0109.0662   | Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo                                   | Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo                                   | 2,212,300 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 582 | 13.0110.0651   | Phẫu thuật cắt âm vật phì đại                                                      | Phẫu thuật cắt âm vật phì đại                                                      | 2,177,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 583 | 13.0111.0656   | Phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ                                                   | Phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ                                                   | 2,260,800 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 584 | 13.0112.0669   | Phẫu thuật làm lại tăng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp                       | Phẫu thuật làm lại tăng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp                       | 2,538,800 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 585 | 13.0113.0633   | Mở bụng bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi bảo tồn tử cung                           | Mở bụng bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi bảo tồn tử cung                           | 2,945,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 586 | 13.0114.0590   | Bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi di căn âm đạo                                     | Bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi di căn âm đạo                                     | 2,369,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 587 | 13.0115.0650   | Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng                | Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng                | 2,407,800 | Chưa bao gồm thuốc và oxy |



| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT23/2024/TT-BYT                                                  | Tên dịch vụ phê duyệt giá                                                           | GIÁ THU   | Ghi chú                                                 |
|-----|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------|
| A   | B              | C                                                                                   | D                                                                                   | 1         | 2                                                       |
| 588 | 13.0116.0663   | Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn                                                | Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn                                                | 3,456,900 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 589 | 13.0117.0595   | Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử cung bán phần đường bụng                | Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử cung bán phần đường bụng                | 3,767,500 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 590 | 13.0118.0595   | Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử cung bán phần đường âm đạo              | Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử cung bán phần đường âm đạo              | 3,767,500 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 591 | 13.0120.0616   | Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu - sinh dục                            | Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu - sinh dục                            | 3,636,100 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 592 | 13.0121.0688   | Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt nhân xơ tử cung dưới niêm mạc                  | Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt nhân xơ tử cung dưới niêm mạc                  | 5,155,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 593 | 13.0122.0688   | Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polyp buồng tử cung                            | Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polyp buồng tử cung                            | 5,155,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 594 | 13.0123.0654   | Phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)                       | Phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)                       | 3,329,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 595 | 13.0124.0688   | Phẫu thuật nội soi buồng tử cung tách dính buồng tử cung                            | Phẫu thuật nội soi buồng tử cung tách dính buồng tử cung                            | 5,155,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 596 | 13.0125.0688   | Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn tử cung                              | Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn tử cung                              | 5,155,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 597 | 13.0126.0688   | Phẫu thuật nội soi buồng tử cung lấy dị vật buồng tử cung                           | Phẫu thuật nội soi buồng tử cung lấy dị vật buồng tử cung                           | 5,155,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 598 | 13.0127.0637   | Nội soi buồng tử cung chẩn đoán                                                     | Nội soi buồng tử cung chẩn đoán                                                     | 2,421,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 599 | 13.0128.0636   | Nội soi buồng tử cung can thiệp                                                     | Nội soi buồng tử cung can thiệp                                                     | 3,859,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 600 | 13.0129.0636   | Nội soi buồng tử cung + sinh thiết buồng tử cung                                    | Nội soi buồng tử cung + sinh thiết buồng tử cung                                    | 3,859,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 601 | 13.0130.0636   | Nội soi buồng tử cung + nạo buồng tử cung                                           | Nội soi buồng tử cung + nạo buồng tử cung                                           | 3,859,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 602 | 13.0132.0685   | Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa                                 | Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa                                 | 2,478,500 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 603 | 13.0136.0628   | Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa | Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa | 2,104,300 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 604 | 13.0140.0627   | Khoét chớp cổ tử cung                                                               | Khoét chớp cổ tử cung                                                               | 2,305,100 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 605 | 13.0141.0627   | Cắt cột cổ tử cung                                                                  | Cắt cột cổ tử cung                                                                  | 2,305,100 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 606 | 13.0143.0655   | Phẫu thuật cắt polyp cổ tử cung                                                     | Phẫu thuật cắt polyp cổ tử cung                                                     | 1,535,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 607 | 13.0147.0597   | Cắt u thành âm đạo                                                                  | Cắt u thành âm đạo                                                                  | 1,716,500 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 608 | 13.0149.0624   | Khâu rách cùng đồ âm đạo                                                            | Khâu rách cùng đồ âm đạo                                                            | 1,569,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 609 | 13.0170.0653   | Cắt ung thư vú tiết kiệm da - tạo hình ngay                                         | Cắt ung thư vú tiết kiệm da - tạo hình ngay                                         | 2,595,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 610 | 13.0172.0653   | Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú                                                    | Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú                                                    | 2,595,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 611 | 13.0174.0653   | Cắt u vú lành tính                                                                  | Cắt u vú lành tính                                                                  | 2,595,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 612 | 13.0176.0592   | Cắt âm hộ + vết hạch bên hai bên                                                    | Cắt âm hộ + vết hạch bên hai bên                                                    | 3,387,300 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 613 | 13.0177.0593   | Cắt bỏ âm hộ đơn thuần                                                              | Cắt bỏ âm hộ đơn thuần                                                              | 2,249,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 614 | 13.0222.0631   | Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ                                 | Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ                                 | 2,455,100 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 615 | 13.0224.0631   | Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ                                                     | Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ                                                     | 2,455,100 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 616 | 13.0240.0631   | Hút thai + triệt sản qua đường rạch nhỏ                                             | Hút thai + triệt sản qua đường rạch nhỏ                                             | 2,455,100 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 617 | 14.0129.0575   | Ghép da hay vật da điều trị hở mí do sẹo                                            | Ghép da hay vật da điều trị hở mí do sẹo                                            | 2,583,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 618 | 14.0173.0575   | Ghép da dị loại                                                                     | Ghép da dị loại                                                                     | 2,583,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                               |
| 619 | 15.0032.0997   | Chỉnh hình tai giữa không tái tạo chuỗi xương con                                   | Chỉnh hình tai giữa không tái tạo chuỗi xương con                                   | 3,204,200 | Đã bao gồm chi phí mũi khoan. Chưa bao gồm thuốc và oxy |
| 620 | 15.0034.0997   | Vá nhĩ đơn thuần                                                                    | Vá nhĩ đơn thuần                                                                    | 3,204,200 | Đã bao gồm chi phí mũi khoan. Chưa bao gồm thuốc và oxy |



| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT23/2024/TT-BYT                                           | Tên dịch vụ phê duyệt giá                                                    | GIÁ THU   | Ghi chú                                                                                                                  |
|-----|----------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A   | B              | C                                                                            | D                                                                            | I         | 2                                                                                                                        |
| 621 | 15.0035.0971   | Phẫu thuật và nhĩ bằng nội soi                                               | Phẫu thuật và nhĩ bằng nội soi                                               | 2,976,800 | Đã bao gồm chi phí mũi khoan. Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                  |
| 622 | 15.0036.0971   | Phẫu thuật tạo hình màng nhĩ                                                 | Phẫu thuật tạo hình màng nhĩ                                                 | 2,976,800 | Đã bao gồm chi phí mũi khoan. Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                  |
| 623 | 15.0048.0971   | Đặt ống thông khí màng nhĩ                                                   | Đặt ống thông khí màng nhĩ                                                   | 2,976,800 | Đã bao gồm chi phí mũi khoan, thuốc và oxy                                                                               |
| 624 | 15.0049.0971   | Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ                                | Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ                                | 2,976,800 | Đã bao gồm chi phí mũi khoan, thuốc và oxy                                                                               |
| 625 | 15.0068.0960   | Phẫu thuật nội soi thắt động mạch sáng                                       | Phẫu thuật nội soi thắt động mạch sáng                                       | 2,033,900 | Chưa bao gồm mũi Hummer và tay cắt, thuốc và oxy                                                                         |
| 626 | 15.0090.0956   | Phẫu thuật mở cạnh mũi                                                       | Phẫu thuật mở cạnh mũi                                                       | 3,634,300 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 627 | 15.0097.0960   | Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi                                               | Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi                                               | 2,033,900 | Chưa bao gồm mũi Hummer và tay cắt, thuốc và oxy                                                                         |
| 628 | 15.0290.0955   | Phẫu thuật mở cạnh cổ dẫn lưu áp xe                                          | Phẫu thuật mở cạnh cổ dẫn lưu áp xe                                          | 1,570,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 629 | 15.0292.0957   | Phẫu thuật nang rò giáp lưỡi                                                 | Phẫu thuật nang rò giáp lưỡi                                                 | 2,910,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 630 | 15.0300.0955   | Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ                                                | Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ                                                | 1,570,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 631 | 16.0294.1079   | Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt                                           | Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt                                           | 2,293,500 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 632 | 16.0295.0576   | Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hồng tổ chức   | Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hồng tổ chức   | 2,149,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 633 | 20.0098.0637   | Nội soi buồng tử cung chẩn đoán                                              | Nội soi buồng tử cung chẩn đoán                                              | 2,421,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 634 | 20.0103.0636   | Nội soi buồng tử cung can thiệp                                              | Nội soi buồng tử cung can thiệp                                              | 3,859,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 635 | 26.0034.0553   | Chuyển vật xương có nối hoặc ghép mạch vi phẫu                               | Chuyển vật xương có nối hoặc ghép mạch vi phẫu                               | 4,357,800 | Chưa bao gồm khung cơ định ngoài, nẹp, ốc, vít, lỏng, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, thuốc và oxy |
| 636 | 27.0170.0464   | Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa tá tràng                                     | Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa tá tràng                                     | 2,367,100 | Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy                |
| 637 | 27.0172.0464   | Phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non                                       | Phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non                                       | 2,367,100 | Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy                |
| 638 | 27.0175.0459   | Phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non + đưa ruột non ra da trên đồng   | Phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non + đưa ruột non ra da trên đồng   | 2,277,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 639 | 27.0183.0462   | Phẫu thuật nội soi tháo lỏng ruột và cố định manh tràng                      | Phẫu thuật nội soi tháo lỏng ruột và cố định manh tràng                      | 3,692,400 | Chưa bao gồm tấm nâng trực tràng, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy                            |
| 640 | 27.0206.0459   | Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa đại tràng                                    | Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa đại tràng                                    | 2,277,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 641 | 27.0207.0459   | Phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng                                      | Phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng                                      | 2,277,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 642 | 27.0225.0462   | Phẫu thuật nội soi cố định trực tràng                                        | Phẫu thuật nội soi cố định trực tràng                                        | 3,692,400 | Chưa bao gồm tấm nâng trực tràng, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy                            |
| 643 | 27.0226.0462   | Phẫu thuật nội soi cố định trực tràng + cắt đoạn đại tràng                   | Phẫu thuật nội soi cố định trực tràng + cắt đoạn đại tràng                   | 3,692,400 | Chưa bao gồm tấm nâng trực tràng, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy                            |
| 644 | 27.0227.0459   | Phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng                                     | Phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng                                     | 2,277,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 645 | 27.0229.0459   | Phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng                                | Phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng                                | 2,277,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 646 | 27.0234.0462   | Phẫu thuật nội soi cố định trực tràng trong điều trị sa trực tràng           | Phẫu thuật nội soi cố định trực tràng trong điều trị sa trực tràng           | 3,692,400 | Chưa bao gồm tấm nâng trực tràng, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy                            |
| 647 | 27.0235.0462   | Phẫu thuật nội soi cố định trực tràng bằng lưới trong điều trị sa trực tràng | Phẫu thuật nội soi cố định trực tràng bằng lưới trong điều trị sa trực tràng | 3,692,400 | Chưa bao gồm tấm nâng trực tràng, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy                            |
| 648 | 27.0367.0436   | Nội soi mở rộng niệu quản, nông rộng niệu quản                               | Nội soi mở rộng niệu quản, nông rộng niệu quản                               | 1,475,400 | Chưa bao gồm sonde JJ, thuốc và oxy                                                                                      |
| 649 | 27.0383.0426   | Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa bàng quang                                   | Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa bàng quang                                   | 3,721,800 | Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy                                                 |
| 650 | 27.0385.0426   | Nội soi bàng quang cắt u                                                     | Nội soi bàng quang cắt u                                                     | 3,721,800 | Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy                                                 |
| 651 | 27.0386.0426   | Cắt u bàng quang tái phát qua nội soi                                        | Cắt u bàng quang tái phát qua nội soi                                        | 3,721,800 | Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy                                                 |
| 652 | 27.0422.0688   | Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polyp                                   | Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polyp                                   | 5,155,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 653 | 27.0423.0688   | Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt u xơ                                    | Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt u xơ                                    | 5,155,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 654 | 27.0424.0688   | Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt dính buồng tử cung                      | Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt dính buồng tử cung                      | 5,155,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |



| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT23/2024/TT-BYT                                    | Tên dịch vụ phê duyệt giá                                                                                | GIÁ THU   | Ghi chú                                                                                                                  |
|-----|----------------|-----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A   | B              | C                                                                     | D                                                                                                        | 1         | 2                                                                                                                        |
| 655 | 27.0425.0688   | Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn                        | Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn                                                           | 5,155,200 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 656 | 27.208b.0459   | Phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng                          | Phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng                                                             | 2,277,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 657 | 28.0008.0574   | Phẫu thuật điều trị da đầu đứt rời không sử dụng kỹ thuật vi phẫu     | Phẫu thuật điều trị da đầu đứt rời không sử dụng kỹ thuật vi phẫu [diện tích $\geq 10$ cm <sup>2</sup> ] | 3,964,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 658 | 28.0008.0575   | Phẫu thuật điều trị da đầu đứt rời không sử dụng kỹ thuật vi phẫu     | Phẫu thuật điều trị da đầu đứt rời không sử dụng kỹ thuật vi phẫu [diện tích $\geq 10$ cm <sup>2</sup> ] | 2,583,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 659 | 28.0013.0574   | Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da mỏng                              | Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da mỏng [diện tích $\geq 10$ cm <sup>2</sup> ]                          | 3,964,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 660 | 28.0013.0575   | Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da mỏng                              | Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da mỏng [diện tích $\geq 10$ cm <sup>2</sup> ]                          | 2,583,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 661 | 28.0014.0574   | Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da dày                               | Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da dày [diện tích $\geq 10$ cm <sup>2</sup> ]                           | 3,964,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 662 | 28.0014.0575   | Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da dày                               | Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da dày [diện tích $\geq 10$ cm <sup>2</sup> ]                           | 2,583,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 663 | 28.0021.1135   | Phẫu thuật đặt túi giãn da vùng da đầu                                | Phẫu thuật đặt túi giãn da vùng da đầu                                                                   | 3,103,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 664 | 28.0023.1135   | Phẫu thuật tạo vật giãn da vùng da đầu                                | Phẫu thuật tạo vật giãn da vùng da đầu                                                                   | 3,103,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 665 | 28.0024.1135   | Phẫu thuật giãn da cấp tính vùng da đầu                               | Phẫu thuật giãn da cấp tính vùng da đầu                                                                  | 3,103,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 666 | 28.0066.0575   | Phẫu thuật ghép da tự thân vùng mi mắt                                | Phẫu thuật ghép da tự thân vùng mi mắt                                                                   | 2,583,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 667 | 28.0108.0575   | Phẫu thuật giải phóng sẹo chít hẹp lỗ mũi                             | Phẫu thuật giải phóng sẹo chít hẹp lỗ mũi                                                                | 2,583,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 668 | 28.0111.0575   | Phẫu thuật tái tạo khuyết nhỏ do vết thương môi                       | Phẫu thuật tái tạo khuyết nhỏ do vết thương môi                                                          | 2,583,600 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 669 | 28.0161.0576   | Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ                       | Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ                                                          | 2,149,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 670 | 28.0162.0576   | Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức  | Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức                                     | 2,149,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 671 | 28.0205.0553   | Phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên     | Phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên                                        | 4,357,800 | Chưa bao gồm khung cơ định ngoại, nẹp, ốc, vít, lỏng, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, thuốc và oxy |
| 672 | 28.0264.0653   | Phẫu thuật cắt bỏ u xơ vú                                             | Phẫu thuật cắt bỏ u xơ vú                                                                                | 2,595,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 673 | 28.0265.0653   | Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú phụ                                        | Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú phụ                                                                           | 2,595,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 674 | 28.0266.0653   | Phẫu thuật cắt bỏ vú thừa                                             | Phẫu thuật cắt bỏ vú thừa                                                                                | 2,595,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 675 | 28.0267.0653   | Phẫu thuật cắt bỏ u tuyến vú lành tính philoid                        | Phẫu thuật cắt bỏ u tuyến vú lành tính philoid                                                           | 2,595,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 676 | 28.0273.1135   | Phẫu thuật Tạo hình khuyết phần mềm thành ngực, bụng bằng vật giãn da | Phẫu thuật Tạo hình khuyết phần mềm thành ngực, bụng bằng vật giãn da                                    | 3,103,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 677 | 28.0280.0571   | Phẫu thuật cắt bỏ tổ chức hoại tử trong ổ loét ti đê                  | Phẫu thuật cắt bỏ tổ chức hoại tử trong ổ loét ti đê                                                     | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 678 | 28.0287.0574   | Phẫu thuật ghép mảnh da dương vật bị liệt găng                        | Phẫu thuật ghép mảnh da dương vật bị liệt găng                                                           | 3,964,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 679 | 28.0288.0576   | Phẫu thuật điều trị vết thương dương vật                              | Phẫu thuật điều trị vết thương dương vật                                                                 | 2,149,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 680 | 28.0296.0651   | Phẫu thuật cắt bỏ âm vật                                              | Phẫu thuật cắt bỏ âm vật                                                                                 | 2,177,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 681 | 28.0299.0662   | Phẫu thuật cắt bỏ vách ngăn âm đạo                                    | Phẫu thuật cắt bỏ vách ngăn âm đạo                                                                       | 2,212,300 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 682 | 28.0337.0559   | Nối gân gấp                                                           | Nối gân gấp                                                                                              | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                  |
| 683 | 28.0338.0559   | Phẫu thuật ghép gân gấp không sử dụng vi phẫu thuật                   | Phẫu thuật ghép gân gấp không sử dụng vi phẫu thuật                                                      | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                  |
| 684 | 28.0340.0559   | Nối gân duỗi                                                          | Nối gân duỗi                                                                                             | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                  |
| 685 | 28.0342.0559   | Khâu nối thần kinh không sử dụng vi phẫu thuật                        | Khâu nối thần kinh không sử dụng vi phẫu thuật [tính 1 gân]                                              | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                  |
| 686 | 28.0344.0559   | Gỡ dính thần kinh                                                     | Gỡ dính thần kinh                                                                                        | 2,604,700 | Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy                                                                                  |
| 687 | 28.0352.1091   | Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật                        | Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật                                                           | 2,423,300 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 688 | 28.0373.0574   | Phẫu thuật sửa sẹo co ngón tay bằng ghép da tự thân                   | Phẫu thuật sửa sẹo co ngón tay bằng ghép da tự thân                                                      | 3,964,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 689 | 28.0385.0574   | Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi bằng ghép da tự thân       | Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi bằng ghép da tự thân                                          | 3,964,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 690 | 28.0386.0574   | Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng khoeo bằng ghép da tự thân     | Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng khoeo bằng ghép da tự thân                                        | 3,964,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 691 | 28.0387.0574   | Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cẳng bằng ghép da tự thân      | Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cẳng bằng ghép da tự thân                                         | 3,964,400 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |
| 692 | 03.4227.0437   | Phẫu thuật chỉnh hình cong dương vật                                  | Phẫu thuật chỉnh hình cong dương vật                                                                     | 3,703,900 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                                                                                |



| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT23/2024/TT-BYT                | Tên dịch vụ phê duyệt giá                         | GIÁ THU   | Ghi chú                                                       |
|-----|----------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------|
| A   | B              | C                                                 | D                                                 | 1         | 2                                                             |
| 693 | 04.0056.0549   | Phẫu thuật hàn cứng khớp gối do lao (Arthrodesis) | Phẫu thuật hàn cứng khớp gối do lao (Arthrodesis) | 3,262,000 | Chưa bao gồm đinh, nẹp vít, khung cố định ngoài, thuốc và oxy |
| 694 | 04.0057.0571   | Phẫu thuật nạo viêm lao xương sọ                  | Phẫu thuật nạo viêm lao xương sọ                  | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                     |
| 695 | 04.0058.0571   | Phẫu thuật nạo viêm lao xương ức                  | Phẫu thuật nạo viêm lao xương ức                  | 2,493,700 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                     |
| 696 | 12.0402.0577   | Phẫu thuật cắt u thành ngực phức tạp              | Phẫu thuật cắt u thành ngực phức tạp              | 4,304,000 | Chưa bao gồm thuốc và oxy                                     |



| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT23/2024/TT-BYT | Tên dịch vụ phê duyệt giá | GIÁ THU | Ghi chú |
|-----|----------------|------------------------------------|---------------------------|---------|---------|
| A   | B              | C                                  | D                         | 1       | 2       |



| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT23/2024/TT-BYT | Tên dịch vụ phê duyệt giá | GIÁ THU | Ghi chú |
|-----|----------------|------------------------------------|---------------------------|---------|---------|
| A   | B              | C                                  | D                         | 1       | 2       |



| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT/3/2024/T-T-BYT                          | Tên dịch vụ phí duyệt giá                                    | Giá thu | Chi trả                                                     |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------|
| A   | B              | D                                                            | Xông hơi thuốc                                               | 14      | 3                                                           |
|     |                |                                                              | Sắc thuốc thang                                              | 9,800   | Đã bao gồm chi phí đóng gói thuốc, chưa bao gồm tiền thuốc. |
|     |                |                                                              | Cổ định lồng ngực do chấn thương gây xương sườn              | 40,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 4   | 03.0488.0230   | Điền châm điều trị viêm kết mạc                              | Điền châm điều trị viêm kết mạc                              | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 5   | 03.0500.0230   | Điền châm điều trị viêm kết mạc                              | Điền châm điều trị viêm kết mạc                              | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 6   | 03.0644.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau da đầu                        | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau da đầu                        | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 7   | 01.0065.0071   | Bóp bóng ambu qua mặt nạ                                     | Bóp bóng ambu qua mặt nạ                                     | 53,200  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 8   | 01.0076.0200   | Châm sóc lỗ mở khí quản (một lần)                            | Châm sóc lỗ mở khí quản (một lần)                            | 45,000  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 9   | 01.0085.0277   | Vận động trị liệu hô hấp                                     | Vận động trị liệu hô hấp                                     | 23,000  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 10  | 01.0157.0508   | Cổ định lồng ngực do chấn thương gây xương sườn              | Cổ định lồng ngực do chấn thương gây xương sườn              | 40,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 11  | 01.0158.0074   | Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản                        | Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản                        | 372,700 | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 12  | 01.0160.0210   | Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang                             | Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang                             | 71,200  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 13  | 01.0164.0210   | Thông bàng quang                                             | Thông bàng quang                                             | 71,200  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 14  | 01.0216.0103   | Đặt ống thông da đầu                                         | Đặt ống thông da đầu                                         | 71,200  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 15  | 01.0218.0159   | Rửa da đầu cấp cứu                                           | Rửa da đầu cấp cứu                                           | 71,200  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 16  | 01.0221.0211   | Thư thả                                                      | Thư thả                                                      | 106,400 | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 17  | 01.0222.0211   | Thư giữ                                                      | Thư giữ                                                      | 64,600  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 18  | 01.0223.0211   | Đặt ống thông hậu môn                                        | Đặt ống thông hậu môn                                        | 64,600  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 19  | 01.0281.1510   | Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)           | Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)           | 11,200  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 20  | 02.0032.0898   | Khi dùng thuốc giãn phế quản                                 | Khi dùng thuốc giãn phế quản                                 | 19,200  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 21  | 02.0068.0277   | Vận động trị liệu hô hấp                                     | Vận động trị liệu hô hấp                                     | 23,000  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 22  | 02.0150.0114   | Hút đàm hầu họng                                             | Hút đàm hầu họng                                             | 9,800   | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 23  | 02.0244.0103   | Đặt ống thông da đầu                                         | Đặt ống thông da đầu                                         | 71,200  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 24  | 02.0247.0211   | Đặt ống thông hậu môn                                        | Đặt ống thông hậu môn                                        | 71,200  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 25  | 02.0313.0159   | Rửa da đầu cấp cứu                                           | Rửa da đầu cấp cứu                                           | 106,400 | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 26  | 02.0314.0001   | Siêu âm ổ bụng                                               | Siêu âm ổ bụng                                               | 41,000  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 27  | 02.0338.0211   | Thư thả chuẩn bị sạch đại tràng                              | Thư thả chuẩn bị sạch đại tràng                              | 64,600  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 28  | 02.0339.0211   | Thư thả phân                                                 | Thư thả phân                                                 | 64,600  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 29  | 03.0089.0898   | Khi dùng thuốc cấp cứu                                       | Khi dùng thuốc cấp cứu                                       | 19,200  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 30  | 03.0113.0074   | Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp                               | Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp                               | 372,700 | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 31  | 03.0133.0210   | Thông tiểu                                                   | Thông tiểu                                                   | 71,200  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 32  | 03.0167.0103   | Đặt ống thông da đầu                                         | Đặt ống thông da đầu                                         | 71,200  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 33  | 03.0168.0159   | Rửa da đầu cấp cứu                                           | Rửa da đầu cấp cứu                                           | 106,400 | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 34  | 03.0178.0211   | Đặt sonde hậu môn                                            | Đặt sonde hậu môn                                            | 106,400 | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 35  | 03.0179.0211   | Thư thả phân                                                 | Thư thả phân                                                 | 64,600  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 36  | 03.0282.0284   | Xông hơi thuốc                                               | Xông hơi thuốc                                               | 64,600  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 37  | 03.0282.0284   | Xông hơi thuốc                                               | Xông hơi thuốc                                               | 64,600  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 38  | 03.0286.0229   | Đặt thuốc YHCT                                               | Đặt thuốc YHCT                                               | 35,200  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 39  | 03.0287.0222   | Bỏ thuốc                                                     | Bỏ thuốc                                                     | 35,200  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 40  | 03.0288.0228   | Chườm ngải                                                   | Chườm ngải                                                   | 25,900  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 41  | 03.0289.0224   | Hào châm                                                     | Hào châm                                                     | 25,900  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 42  | 03.0290.0224   | Nhĩ châm                                                     | Nhĩ châm                                                     | 53,400  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 43  | 03.0291.0224   | Ôn châm                                                      | Ôn châm                                                      | 53,400  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 44  | 03.0461.0230   | Điền châm điều trị di chứng bại liệt                         | Điền châm điều trị di chứng bại liệt                         | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 45  | 03.0462.0230   | Điền châm điều trị liệt chi trên                             | Điền châm điều trị liệt chi trên                             | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 46  | 03.0463.0230   | Điền châm điều trị liệt chi dưới                             | Điền châm điều trị liệt chi dưới                             | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 47  | 03.0464.0230   | Điền châm điều trị liệt nửa người                            | Điền châm điều trị liệt nửa người                            | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 48  | 03.0465.0230   | Điền châm điều trị liệt do bệnh của cơ                       | Điền châm điều trị liệt do bệnh của cơ                       | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 49  | 03.0466.0230   | Điền châm điều trị liệt cơ                                   | Điền châm điều trị liệt cơ                                   | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 50  | 03.0467.0230   | Điền châm điều trị đau thần kinh toa                         | Điền châm điều trị đau thần kinh toa                         | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 51  | 03.0470.0230   | Điền châm điều trị chứng ứ tại                               | Điền châm điều trị chứng ứ tại                               | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 52  | 03.0471.0230   | Điền châm điều trị chứng ứ tại                               | Điền châm điều trị chứng ứ tại                               | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 53  | 03.0472.0230   | Điền châm điều trị chứng ứ tại                               | Điền châm điều trị chứng ứ tại                               | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 54  | 03.0473.0230   | Điền châm điều trị chứng ứ tại                               | Điền châm điều trị chứng ứ tại                               | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 55  | 03.0476.0230   | Điền châm điều trị chứng ngoại tháp                          | Điền châm điều trị chứng ngoại tháp                          | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 56  | 03.0478.0230   | Điền châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu                      | Điền châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu                      | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 57  | 03.0479.0230   | Điền châm điều trị mất ngủ                                   | Điền châm điều trị mất ngủ                                   | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 58  | 03.0480.0230   | Điền châm điều trị stress                                    | Điền châm điều trị stress                                    | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 59  | 03.0481.0230   | Điền châm điều trị thiếu máu não mạn tính                    | Điền châm điều trị thiếu máu não mạn tính                    | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 60  | 03.0483.0230   | Điền châm điều trị tổn thương dây thần kinh V                | Điền châm điều trị tổn thương dây thần kinh V                | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 61  | 03.0485.0230   | Điền châm điều trị chớp leo                                  | Điền châm điều trị chớp leo                                  | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 62  | 03.0486.0230   | Điền châm điều trị sụp mí                                    | Điền châm điều trị sụp mí                                    | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 63  | 03.0487.0230   | Điền châm điều trị bệnh hồ mắt                               | Điền châm điều trị bệnh hồ mắt                               | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 64  | 03.0489.0230   | Điền châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giải đoạn cấp | Điền châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giải đoạn cấp | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 65  | 03.0490.0230   | Điền châm điều trị lác                                       | Điền châm điều trị lác                                       | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 66  | 03.0491.0230   | Điền châm điều trị giảm thị lực                              | Điền châm điều trị giảm thị lực                              | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 67  | 03.0492.0230   | Điền châm điều trị hội chứng tiền đình                       | Điền châm điều trị hội chứng tiền đình                       | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 68  | 03.0493.0230   | Điền châm điều trị giảm thính lực                            | Điền châm điều trị giảm thính lực                            | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 69  | 03.0494.0230   | Điền châm điều trị mất ngon                                  | Điền châm điều trị mất ngon                                  | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 70  | 03.0495.0230   | Điền châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi                 | Điền châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi                 | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 71  | 03.0496.0230   | Điền châm điều trị viêm cơ cứng cơ delta                     | Điền châm điều trị viêm cơ cứng cơ delta                     | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 72  | 03.0497.0230   | Điền châm điều trị nôn nấc                                   | Điền châm điều trị nôn nấc                                   | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 73  | 03.0501.0230   | Điền châm điều trị rối loạn trí tuệ                          | Điền châm điều trị rối loạn trí tuệ                          | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 74  | 03.0502.0230   | Điền châm điều trị rối loạn trí tuệ                          | Điền châm điều trị rối loạn trí tuệ                          | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 75  | 03.0503.0230   | Điền châm điều trị rối loạn trí tuệ                          | Điền châm điều trị rối loạn trí tuệ                          | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 76  | 03.0504.0230   | Điền châm điều trị rối loạn cảm giác                         | Điền châm điều trị rối loạn cảm giác                         | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 77  | 03.0507.0230   | Điền châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật               | Điền châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật               | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 78  | 03.0508.0230   | Điền châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật               | Điền châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật               | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 79  | 03.0512.0230   | Điền châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não  | Điền châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não  | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 80  | 03.0513.0230   | Điền châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống       | Điền châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống       | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 81  | 03.0514.0230   | Điền châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật                   | Điền châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật                   | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 82  | 03.0515.0230   | Điền châm điều trị giảm đau do ung thư                       | Điền châm điều trị giảm đau do ung thư                       | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |
| 83  | 03.0518.0230   | Điền châm điều trị viêm mũi xoang                            | Điền châm điều trị viêm mũi xoang                            | 54,800  | Điền châm điều trị viêm kết mạc                             |



| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT23/2024/TT-BYT                                 | Tên dịch vụ phê duyệt giá                                          | Giá thu | Ghi chú             |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------|---------------------|
| A   | B              | D                                                                  |                                                                    | 14      | 3                   |
| 84  | 03.0519.0230   | Điện châm điều trị hen phế quản                                    | Điện châm điều trị hen phế quản                                    |         |                     |
| 85  | 03.0520.0230   | Điện châm điều trị tăng huyết áp                                   | Điện châm điều trị tăng huyết áp                                   | 54,800  |                     |
| 86  | 03.0521.0230   | Điện châm điều trị huyết áp thấp                                   | Điện châm điều trị huyết áp thấp                                   | 54,800  |                     |
| 87  | 03.0522.0230   | Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn                     | Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn                     | 54,800  |                     |
| 88  | 03.0523.0230   | Điện châm điều trị đau ngực sườn                                   | Điện châm điều trị đau ngực sườn                                   | 54,800  |                     |
| 89  | 03.0524.0230   | Điện châm điều trị viêm da dây thần kinh                           | Điện châm điều trị viêm da dây thần kinh                           | 54,800  |                     |
| 90  | 03.0525.0230   | Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp                             | Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp                             | 54,800  |                     |
| 91  | 03.0526.0230   | Điện châm điều trị thoái hóa khớp                                  | Điện châm điều trị thoái hóa khớp                                  | 54,800  |                     |
| 92  | 03.0527.0230   | Điện châm điều trị đau lưng                                        | Điện châm điều trị đau lưng                                        | 54,800  |                     |
| 93  | 03.0528.0230   | Điện châm điều trị đau mắt cơ                                      | Điện châm điều trị đau mắt cơ                                      | 54,800  |                     |
| 94  | 03.0529.0230   | Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai                             | Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai                             | 54,800  |                     |
| 95  | 03.0530.0230   | Điện châm điều trị hội chứng vai gáy                               | Điện châm điều trị hội chứng vai gáy                               | 54,800  |                     |
| 96  | 03.0532.0271   | Thủy châm điều trị liệt                                            | Thủy châm điều trị liệt                                            | 54,800  |                     |
| 97  | 03.0533.0271   | Thủy châm điều trị liệt chi trên                                   | Thủy châm điều trị liệt chi trên                                   | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 98  | 03.0534.0271   | Thủy châm điều trị liệt chi dưới                                   | Thủy châm điều trị liệt chi dưới                                   | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 99  | 03.0535.0271   | Thủy châm điều trị liệt nửa người                                  | Thủy châm điều trị liệt nửa người                                  | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 100 | 03.0536.0271   | Thủy châm điều trị liệt do bệnh của cơ                             | Thủy châm điều trị liệt do bệnh của cơ                             | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 101 | 03.0537.0271   | Thủy châm điều trị teo cơ                                          | Thủy châm điều trị teo cơ                                          | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 102 | 03.0538.0271   | Thủy châm điều trị đau thần kinh tọa                               | Thủy châm điều trị đau thần kinh tọa                               | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 103 | 03.0539.0271   | Thủy châm điều trị bại não                                         | Thủy châm điều trị bại não                                         | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 104 | 03.0540.0271   | Thủy châm điều trị bệnh tự kỷ                                      | Thủy châm điều trị bệnh tự kỷ                                      | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 105 | 03.0541.0271   | Thủy châm điều trị chứng ứ tai                                     | Thủy châm điều trị chứng ứ tai                                     | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 106 | 03.0542.0271   | Thủy châm điều trị giảm khứu giác                                  | Thủy châm điều trị giảm khứu giác                                  | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 107 | 03.0543.0271   | Thủy châm điều trị rối loạn vận ngôn                               | Thủy châm điều trị rối loạn vận ngôn                               | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 108 | 03.0544.0271   | Thủy châm điều trị khản tiếng                                      | Thủy châm điều trị khản tiếng                                      | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 109 | 03.0547.0271   | Thủy châm điều trị hội chứng ngoại tháp                            | Thủy châm điều trị hội chứng ngoại tháp                            | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 110 | 03.0549.0271   | Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu                            | Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu                            | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 111 | 03.0550.0271   | Thủy châm điều trị mất ngủ                                         | Thủy châm điều trị mất ngủ                                         | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 112 | 03.0551.0271   | Thủy châm điều trị stress                                          | Thủy châm điều trị stress                                          | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 113 | 03.0552.0271   | Thủy châm điều trị thiếu máu não mạn tính                          | Thủy châm điều trị thiếu máu não mạn tính                          | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 114 | 03.0553.0271   | Thủy châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh         | Thủy châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh         | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 115 | 03.0554.0271   | Thủy châm điều trị tổn thương dây thần kinh V                      | Thủy châm điều trị tổn thương dây thần kinh V                      | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 116 | 03.0555.0271   | Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên            | Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên            | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 117 | 03.0556.0271   | Thủy châm điều trị sụp mí                                          | Thủy châm điều trị sụp mí                                          | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 118 | 03.0557.0271   | Thủy châm điều trị bệnh hồ mắt                                     | Thủy châm điều trị bệnh hồ mắt                                     | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 119 | 03.0558.0271   | Thủy châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp       | Thủy châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp       | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 120 | 03.0559.0271   | Thủy châm điều trị lác                                             | Thủy châm điều trị lác                                             | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 121 | 03.0560.0271   | Thủy châm điều trị giảm thị lực                                    | Thủy châm điều trị giảm thị lực                                    | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 122 | 03.0561.0271   | Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình                             | Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình                             | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 123 | 03.0562.0271   | Thủy châm điều trị giảm thính lực                                  | Thủy châm điều trị giảm thính lực                                  | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 124 | 03.0563.0271   | Thủy châm điều trị thất ngôn                                       | Thủy châm điều trị thất ngôn                                       | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 125 | 03.0564.0271   | Thủy châm điều trị viêm xoang                                      | Thủy châm điều trị viêm xoang                                      | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 126 | 03.0565.0271   | Thủy châm điều trị viêm mũi dị ứng                                 | Thủy châm điều trị viêm mũi dị ứng                                 | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 127 | 03.0566.0271   | Thủy châm điều trị hen phế quản                                    | Thủy châm điều trị hen phế quản                                    | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 128 | 03.0567.0271   | Thủy châm điều trị tăng huyết áp                                   | Thủy châm điều trị tăng huyết áp                                   | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 129 | 03.0568.0271   | Thủy châm điều trị huyết áp thấp                                   | Thủy châm điều trị huyết áp thấp                                   | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 130 | 03.0569.0271   | Thủy châm điều trị đau vùng ngực                                   | Thủy châm điều trị đau vùng ngực                                   | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 131 | 03.0570.0271   | Thủy châm điều trị đau thần kinh liên sườn                         | Thủy châm điều trị đau thần kinh liên sườn                         | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 132 | 03.0571.0271   | Thủy châm điều trị đau ngực, sườn                                  | Thủy châm điều trị đau ngực, sườn                                  | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 133 | 03.0572.0271   | Thủy châm điều trị trĩ                                             | Thủy châm điều trị trĩ                                             | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 134 | 03.0573.0271   | Thủy châm điều trị sa da dầy                                       | Thủy châm điều trị sa da dầy                                       | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 135 | 03.0574.0271   | Thủy châm điều trị đau da dầy                                      | Thủy châm điều trị đau da dầy                                      | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 136 | 03.0575.0271   | Thủy châm điều trị nôn, nấc                                        | Thủy châm điều trị nôn, nấc                                        | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 137 | 03.0578.0271   | Thủy châm điều trị viêm khớp dạng thấp                             | Thủy châm điều trị viêm khớp dạng thấp                             | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 138 | 03.0579.0271   | Thủy châm điều trị thoái hóa khớp                                  | Thủy châm điều trị thoái hóa khớp                                  | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 139 | 03.0580.0271   | Thủy châm điều trị đau lưng                                        | Thủy châm điều trị đau lưng                                        | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 140 | 03.0581.0271   | Thủy châm điều trị đau mắt cơ                                      | Thủy châm điều trị đau mắt cơ                                      | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 141 | 03.0582.0271   | Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai                             | Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai                             | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 142 | 03.0583.0271   | Thủy châm điều trị hội chứng vai gáy                               | Thủy châm điều trị hội chứng vai gáy                               | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 143 | 03.0585.0271   | Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi                       | Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi                       | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 144 | 03.0586.0271   | Thủy châm điều trị viêm cơ cứng cơ delta                           | Thủy châm điều trị viêm cơ cứng cơ delta                           | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 145 | 03.0588.0271   | Thủy châm điều trị rối loạn đại, tiểu tiện                         | Thủy châm điều trị rối loạn đại, tiểu tiện                         | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 146 | 03.0589.0271   | Thủy châm điều trị táo bón                                         | Thủy châm điều trị táo bón                                         | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 147 | 03.0590.0271   | Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hóa                               | Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hóa                               | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 148 | 03.0591.0271   | Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác                               | Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác                               | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 149 | 03.0592.0271   | Thủy châm điều trị đái dầm                                         | Thủy châm điều trị đái dầm                                         | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 150 | 03.0593.0271   | Thủy châm điều trị bí đái                                          | Thủy châm điều trị bí đái                                          | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 151 | 03.0594.0271   | Thủy châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật                     | Thủy châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật                     | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 152 | 03.0597.0271   | Thủy châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não        | Thủy châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não        | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 153 | 03.0598.0271   | Thủy châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống             | Thủy châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống             | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 154 | 03.0602.0271   | Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình                             | Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình                             | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 155 | 03.0603.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt                                    | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt                                    | 53,200  |                     |
| 156 | 03.0604.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên                           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên                           | 53,200  |                     |
| 157 | 03.0605.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới                           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới                           | 53,200  |                     |
| 158 | 03.0606.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người                          | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người                          | 53,200  |                     |
| 159 | 03.0607.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh tọa                       | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh tọa                       | 53,200  |                     |
| 160 | 03.0608.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt các dây thần kinh                  | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt các dây thần kinh                  | 53,200  |                     |
| 161 | 03.0609.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị bại não trẻ em                          | Xoa bóp bấm huyệt điều trị bại não trẻ em                          | 53,200  |                     |
| 162 | 03.0610.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên                      | Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên                      | 53,200  |                     |
| 163 | 03.0611.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới                      | Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới                      | 53,200  |                     |
| 164 | 03.0612.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng ngất                             | Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng ngất                             | 53,200  |                     |
| 165 | 03.0613.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ                              | Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ                              | 53,200  |                     |
| 166 | 03.0614.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ứ tai                             | Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ứ tai                             | 53,200  |                     |
| 167 | 03.0615.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác                          | Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác                          | 53,200  |                     |
| 168 | 03.0616.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ                     | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ                     | 53,200  |                     |
| 169 | 03.0617.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt các dây thần kinh                  | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt các dây thần kinh                  | 53,200  |                     |
| 170 | 03.0618.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị teo cơ                                  | Xoa bóp bấm huyệt điều trị teo cơ                                  | 53,200  |                     |
| 171 | 03.0621.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược                       | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược                       | 53,200  |                     |
| 172 | 03.0622.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp                    | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp                    | 53,200  |                     |
| 173 | 03.0624.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu                    | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu                    | 53,200  |                     |
| 174 | 03.0625.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ                                 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ                                 | 53,200  |                     |
| 175 | 03.0626.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị stress                                  | Xoa bóp bấm huyệt điều trị stress                                  | 53,200  |                     |
| 176 | 03.0627.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu máu não mạn tính                  | Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu máu não mạn tính                  | 53,200  |                     |
| 177 | 03.0628.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh | 53,200  |                     |
| 178 | 03.0629.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V              | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V              | 53,200  |                     |
| 179 | 03.0630.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên    | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên    | 53,200  |                     |



| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT23/2024/TT-BYT                                   | Tên dịch vụ phê duyệt giá                                            | Giá thu | Ghi chú                                                                  |
|-----|----------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------|
| A   | B              | D                                                                    |                                                                      | 14      | 3                                                                        |
| 180 | 03.0631.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mí                                    | Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mí                                    | 53,200  |                                                                          |
| 181 | 03.0632.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp | Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp | 53,200  |                                                                          |
| 182 | 03.0633.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác                                       | Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác                                       | 53,200  |                                                                          |
| 183 | 03.0635.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình                       | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình                       | 53,200  |                                                                          |
| 184 | 03.0636.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực                            | Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực                            | 53,200  |                                                                          |
| 185 | 03.0637.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang                            | Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang                            | 53,200  |                                                                          |
| 186 | 03.0638.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản                              | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản                              | 53,200  |                                                                          |
| 187 | 03.0639.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tăng huyết áp                             | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tăng huyết áp                             | 53,200  |                                                                          |
| 188 | 03.0640.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp                             | Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp                             | 53,200  |                                                                          |
| 189 | 03.0641.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau vùng ngực                             | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau vùng ngực                             | 53,200  |                                                                          |
| 190 | 03.0642.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn                   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn                   | 53,200  |                                                                          |
| 191 | 03.0643.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau ngực, sườn                            | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau ngực, sườn                            | 53,200  |                                                                          |
| 192 | 03.0645.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi                 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi                 | 53,200  |                                                                          |
| 193 | 03.0646.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp                       | Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp                       | 53,200  |                                                                          |
| 194 | 03.0647.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị thoái hóa khớp                            | Xoa bóp bấm huyệt điều trị thoái hóa khớp                            | 53,200  |                                                                          |
| 195 | 03.0648.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng                                  | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng                                  | 53,200  |                                                                          |
| 196 | 03.0649.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau mắt cơ                                | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau mắt cơ                                | 53,200  |                                                                          |
| 197 | 03.0650.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai                       | Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai                       | 53,200  |                                                                          |
| 198 | 03.0651.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy                         | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy                         | 53,200  |                                                                          |
| 199 | 03.0653.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc                                  | Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc                                  | 53,200  |                                                                          |
| 200 | 03.0654.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi                 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi                 | 53,200  |                                                                          |
| 201 | 03.0655.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm cơ cứng cơ delta                     | Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm cơ cứng cơ delta                     | 53,200  |                                                                          |
| 202 | 03.0656.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn đại, tiểu tiện                   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn đại, tiểu tiện                   | 53,200  |                                                                          |
| 203 | 03.0657.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón                                   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón                                   | 53,200  |                                                                          |
| 204 | 03.0658.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hóa                         | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hóa                         | 53,200  |                                                                          |
| 205 | 03.0659.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác                         | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác                         | 53,200  |                                                                          |
| 206 | 03.0660.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị bị dị                                     | Xoa bóp bấm huyệt điều trị bị dị                                     | 53,200  |                                                                          |
| 207 | 03.0661.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật               | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật               | 53,200  |                                                                          |
| 208 | 03.0663.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não  | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não  | 53,200  |                                                                          |
| 209 | 03.0664.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống       | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống       | 53,200  |                                                                          |
| 210 | 03.0665.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật                   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật                   | 53,200  |                                                                          |
| 211 | 03.0666.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư                       | Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư                       | 53,200  |                                                                          |
| 212 | 03.0668.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị dai dăm                                   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị dai dăm                                   | 53,200  |                                                                          |
| 213 | 03.0669.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị sa trực tràng                             | Xoa bóp bấm huyệt điều trị sa trực tràng                             | 53,200  |                                                                          |
| 214 | 03.0670.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hysteria                                  | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hysteria                                  | 53,200  |                                                                          |
| 215 | 03.0671.0228   | Cứu điều trị đau lưng thể hàn                                        | Cứu điều trị đau lưng thể hàn                                        | 25,900  |                                                                          |
| 216 | 03.0672.0228   | Cứu điều trị đau thần kinh tọa thể hàn                               | Cứu điều trị đau thần kinh tọa thể hàn                               | 25,900  |                                                                          |
| 217 | 03.0673.0228   | Cứu điều trị đau bụng ỉa chảy thể hàn                                | Cứu điều trị đau bụng ỉa chảy thể hàn                                | 25,900  |                                                                          |
| 218 | 03.0674.0228   | Cứu điều trị liệt thần kinh VII ngoại biên thể hàn                   | Cứu điều trị liệt thần kinh VII ngoại biên thể hàn                   | 25,900  |                                                                          |
| 219 | 03.0675.0228   | Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn                                 | Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn                                 | 25,900  |                                                                          |
| 220 | 03.0676.0228   | Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn                                     | Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn                                     | 25,900  |                                                                          |
| 221 | 03.0678.0228   | Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn                                   | Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn                                   | 25,900  |                                                                          |
| 222 | 03.0679.0228   | Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn                                   | Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn                                   | 25,900  |                                                                          |
| 223 | 03.0680.0228   | Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn                                  | Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn                                  | 25,900  |                                                                          |
| 224 | 03.0681.0228   | Cứu điều trị liệt do bệnh của cơ thể hàn                             | Cứu điều trị liệt do bệnh của cơ thể hàn                             | 25,900  |                                                                          |
| 225 | 03.0682.0228   | Cứu điều trị bại não thể hàn                                         | Cứu điều trị bại não thể hàn                                         | 25,900  |                                                                          |
| 226 | 03.0683.0228   | Cứu điều trị bệnh tự kỷ thể hàn                                      | Cứu điều trị bệnh tự kỷ thể hàn                                      | 25,900  |                                                                          |
| 227 | 03.0684.0228   | Cứu điều trị ứ ại thể hàn                                            | Cứu điều trị ứ ại thể hàn                                            | 25,900  |                                                                          |
| 228 | 03.0685.0228   | Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn                                  | Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn                                  | 25,900  |                                                                          |
| 229 | 03.0686.0228   | Cứu điều trị khản tiếng thể hàn                                      | Cứu điều trị khản tiếng thể hàn                                      | 25,900  |                                                                          |
| 230 | 03.0688.0228   | Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn                            | Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn                            | 25,900  |                                                                          |
| 231 | 03.0689.0228   | Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn                       | Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn                       | 25,900  |                                                                          |
| 232 | 03.0690.0228   | Cứu điều trị nôn nấc thể hàn                                         | Cứu điều trị nôn nấc thể hàn                                         | 25,900  |                                                                          |
| 233 | 03.0691.0228   | Cứu điều trị rối loạn đại tiểu tiện thể hàn                          | Cứu điều trị rối loạn đại tiểu tiện thể hàn                          | 25,900  |                                                                          |
| 234 | 03.0692.0228   | Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn                               | Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn                               | 25,900  |                                                                          |
| 235 | 03.0693.0228   | Cứu điều trị dai dăm thể hàn                                         | Cứu điều trị dai dăm thể hàn                                         | 25,900  |                                                                          |
| 236 | 03.0694.0228   | Cứu điều trị bị dị thể hàn                                           | Cứu điều trị bị dị thể hàn                                           | 25,900  |                                                                          |
| 237 | 03.0695.0228   | Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn                     | Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn                     | 25,900  |                                                                          |
| 238 | 03.0696.0228   | Cứu điều trị cảm cúm thể hàn                                         | Cứu điều trị cảm cúm thể hàn                                         | 25,900  |                                                                          |
| 239 | 03.0774.0237   | Điều trị bằng tia hồng ngoại                                         | Điều trị bằng tia hồng ngoại                                         | 28,600  |                                                                          |
| 240 | 03.0892.0266   | Tập vận động đoạn chi 30 phút                                        | Tập vận động đoạn chi 30 phút                                        | 36,200  |                                                                          |
| 241 | 03.0894.0267   | Tập vận động toàn thân 30 phút                                       | Tập vận động toàn thân 30 phút                                       | 41,500  |                                                                          |
| 242 | 03.0901.0261   | Tập luyện với ghế tập cơ 4 đầu đùi                                   | Tập luyện với ghế tập cơ 4 đầu đùi                                   | 10,200  |                                                                          |
| 243 | 03.0902.0269   | Tập với hệ thống ròng rọc                                            | Tập với hệ thống ròng rọc                                            | 10,200  |                                                                          |
| 244 | 03.1703.0075   | Cắt chỉ khâu da                                                      | Cắt chỉ khâu da                                                      | 28,200  | Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú.                                    |
| 245 | 03.1706.0782   | Lấy dị vật kết mạc                                                   | Lấy dị vật kết mạc                                                   | 50,000  |                                                                          |
| 246 | 03.1955.1029   | Nhổ răng sữa                                                         | Nhổ răng sữa                                                         | 32,600  |                                                                          |
| 247 | 03.1956.1029   | Nhổ chân răng sữa                                                    | Nhổ chân răng sữa                                                    | 32,600  |                                                                          |
| 248 | 03.1957.1033   | Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em                             | Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em                             | 25,500  |                                                                          |
| 249 | 03.2120.0899   | Làm thuốc tại                                                        | Làm thuốc tại                                                        | 15,400  | Chưa bao gồm thuốc.                                                      |
| 250 | 03.2155.0869   | Cầm máu mũi bằng Meroxio (2 bên)                                     | Cầm máu mũi bằng Meroxio (2 bên)                                     | 200,500 |                                                                          |
| 251 | 03.2191.0898   | Khí dung mũi họng                                                    | Khí dung mũi họng                                                    | 19,200  | Chưa bao gồm thuốc khi dung.                                             |
| 252 | 03.2357.0211   | Thụt tháo phân                                                       | Thụt tháo phân                                                       | 64,600  |                                                                          |
| 253 | 03.2358.0211   | Đặt sonde hậu môn                                                    | Đặt sonde hậu môn                                                    | 64,600  |                                                                          |
| 254 | 03.2382.0313   | Test lấy da (Prick test) với các loại thuốc                          | Test lấy da (Prick test) với các loại thuốc                          | 276,300 |                                                                          |
| 255 | 03.2383.0314   | Test nội bì                                                          | Test nội bì                                                          | 345,600 |                                                                          |
| 256 | 03.2383.0315   | Test nội bì                                                          | Test nội bì                                                          | 284,700 |                                                                          |
| 257 | 03.2384.0307   | Test áp (Patch test) với các loại thuốc                              | Test áp (Patch test) với các loại thuốc                              | 382,200 |                                                                          |
| 258 | 03.2387.0212   | Tiêm trong da                                                        | Tiêm trong da                                                        | 10,500  | Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc tiêm.           |
| 259 | 03.2388.0212   | Tiêm dưới da                                                         | Tiêm dưới da                                                         | 10,500  | Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc tiêm.           |
| 260 | 03.2389.0212   | Tiêm bắp thịt                                                        | Tiêm bắp thịt                                                        | 10,500  | Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc tiêm.           |
| 261 | 03.2390.0212   | Tiêm tĩnh mạch                                                       | Tiêm tĩnh mạch                                                       | 10,500  | Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc tiêm.           |
| 262 | 03.2391.0215   | Truyền tĩnh mạch                                                     | Truyền tĩnh mạch                                                     | 17,500  | Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc và dịch truyền. |



| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT23/2024/TT-BYT                                       | Tên dịch vụ phê duyệt giá                                                                | Giá thu | Ghi chú                                                                                                        |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A   | B              | D                                                                        |                                                                                          | 14      | 3                                                                                                              |
| 263 | 03.3826.0075   | Thay băng, cắt chỉ vết mổ                                                | Thay băng, cắt chỉ vết mổ                                                                | 28,200  | Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú.                                                                          |
| 264 | 03.3826.0200   | Thay băng, cắt chỉ vết mổ                                                | Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài ≤ 15cm]                                             | 45,000  | Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú. Đối với người bệnh nội trú theo quy định của Bộ Y tế.                    |
| 265 | 03.3826.0202   | Thay băng, cắt chỉ vết mổ                                                | Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]                            | 84,900  |                                                                                                                |
| 266 | 03.3826.0203   | Thay băng, cắt chỉ vết mổ                                                | Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng]                | 104,000 |                                                                                                                |
| 267 | 03.3826.0204   | Thay băng, cắt chỉ vết mổ                                                | Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]                     | 135,500 |                                                                                                                |
| 268 | 03.3826.0205   | Thay băng, cắt chỉ vết mổ                                                | Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]                                 | 192,900 |                                                                                                                |
| 269 | 03.3826.2047   | Thay băng, cắt chỉ vết mổ                                                | Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]                                | 62,600  | Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú. Đối với người bệnh nội trú theo quy định của Bộ Y tế.                    |
| 270 | 03.3827.0216   | Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm                                  | Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm [tổn thương nông]                                | 136,200 |                                                                                                                |
| 271 | 03.3911.0200   | Thay băng, cắt chỉ                                                       | Thay băng, cắt chỉ [chiều dài ≤ 15cm]                                                    | 45,000  | Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú. Đối với người bệnh nội trú theo quy định của Bộ Y tế.                    |
| 272 | 03.3911.0201   | Thay băng, cắt chỉ                                                       | Thay băng, cắt chỉ [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]                                       | 62,600  |                                                                                                                |
| 273 | 03.3911.0202   | Thay băng, cắt chỉ                                                       | Thay băng, cắt chỉ [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]                                   | 84,900  |                                                                                                                |
| 274 | 03.3911.0203   | Thay băng, cắt chỉ                                                       | Thay băng, cắt chỉ [chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng]                       | 104,000 |                                                                                                                |
| 275 | 03.3911.0204   | Thay băng, cắt chỉ                                                       | Thay băng, cắt chỉ [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]                            | 135,500 |                                                                                                                |
| 276 | 03.3911.0205   | Thay băng, cắt chỉ                                                       | Thay băng, cắt chỉ [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]                                        | 192,900 |                                                                                                                |
| 277 | 07.0225.0200   | Thay băng trên người bệnh đài tháo đường                                 | Thay băng trên người bệnh đài tháo đường [chiều dài ≤ 15cm]                              | 45,000  | Chưa bao gồm gạc hydrocolloid; gạc xốp, miếng xốp (foam); gạc, gạc lưới có tẩm kháng sinh hoặc chất sát khuẩn. |
| 278 | 07.0225.0201   | Thay băng trên người bệnh đài tháo đường                                 | Thay băng trên người bệnh đài tháo đường [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]                 | 62,600  | Chưa bao gồm gạc hydrocolloid; gạc xốp, miếng xốp (foam); gạc, gạc lưới có tẩm kháng sinh hoặc chất sát khuẩn. |
| 279 | 07.0225.0202   | Thay băng trên người bệnh đài tháo đường                                 | Thay băng trên người bệnh đài tháo đường [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]             | 84,900  | Chưa bao gồm gạc hydrocolloid; gạc xốp, miếng xốp (foam); gạc, gạc lưới có tẩm kháng sinh hoặc chất sát khuẩn. |
| 280 | 07.0225.0203   | Thay băng trên người bệnh đài tháo đường                                 | Thay băng trên người bệnh đài tháo đường [chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng] | 104,000 | Chưa bao gồm gạc hydrocolloid; gạc xốp, miếng xốp (foam); gạc, gạc lưới có tẩm kháng sinh hoặc chất sát khuẩn. |
| 281 | 07.0225.0204   | Thay băng trên người bệnh đài tháo đường                                 | Thay băng trên người bệnh đài tháo đường [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]      | 135,500 | Chưa bao gồm gạc hydrocolloid; gạc xốp, miếng xốp (foam); gạc, gạc lưới có tẩm kháng sinh hoặc chất sát khuẩn. |
| 282 | 07.0225.0205   | Thay băng trên người bệnh đài tháo đường                                 | Thay băng trên người bệnh đài tháo đường [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]                  | 192,900 | Chưa bao gồm gạc hydrocolloid; gạc xốp, miếng xốp (foam); gạc, gạc lưới có tẩm kháng sinh hoặc chất sát khuẩn. |
| 283 | 08.0001.0224   | Mai hoa chăm                                                             | Mai hoa chăm                                                                             | 53,400  |                                                                                                                |
| 284 | 08.0005.0230   | Điện châm                                                                | Điện châm [kim ngắn]                                                                     | 54,800  |                                                                                                                |
| 285 | 08.0005.2046   | Điện châm                                                                | Điện châm [kim dài]                                                                      | 59,700  |                                                                                                                |
| 286 | 08.0006.0271   | Thủy châm                                                                | Thủy châm                                                                                | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc.                                                                                            |
| 287 | 08.0008.0224   | Ôn châm                                                                  | Ôn châm [kim ngắn]                                                                       | 53,400  |                                                                                                                |
| 288 | 08.0008.2045   | Ôn châm                                                                  | Ôn châm [kim dài]                                                                        | 58,300  |                                                                                                                |
| 289 | 08.0009.0228   | Cứu                                                                      | Cứu                                                                                      | 25,900  |                                                                                                                |
| 290 | 08.0010.0224   | Chích lễ                                                                 | Chích lễ                                                                                 | 53,400  |                                                                                                                |
| 291 | 08.0021.0285   | Xông khói thuốc                                                          | Xông khói thuốc                                                                          | 31,700  |                                                                                                                |
| 292 | 08.0027.0228   | Chườm ngải                                                               | Chườm ngải                                                                               | 25,900  |                                                                                                                |
| 293 | 08.0028.0259   | Luyện tập đường sinh                                                     | Luyện tập đường sinh                                                                     | 23,300  |                                                                                                                |
| 294 | 08.0278.0230   | Điện châm điều trị hội chứng tiền đình                                   | Điện châm điều trị hội chứng tiền đình                                                   | 54,800  |                                                                                                                |
| 295 | 08.0279.0230   | Điện châm điều trị huyết áp thấp                                         | Điện châm điều trị huyết áp thấp                                                         | 54,800  |                                                                                                                |
| 296 | 08.0280.0230   | Điện châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính                     | Điện châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính                                     | 54,800  |                                                                                                                |
| 297 | 08.0281.0230   | Điện châm điều trị hội chứng stress                                      | Điện châm điều trị hội chứng stress                                                      | 54,800  |                                                                                                                |
| 298 | 08.0282.0230   | Điện châm điều trị cảm mạo                                               | Điện châm điều trị cảm mạo                                                               | 54,800  |                                                                                                                |
| 299 | 08.0284.0230   | Điện châm điều trị trĩ                                                   | Điện châm điều trị trĩ                                                                   | 54,800  |                                                                                                                |
| 300 | 08.0285.0230   | Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt                   | Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt                                   | 54,800  |                                                                                                                |
| 301 | 08.0287.0230   | Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương gan rỗng cánh tay ở trẻ em | Điện châm điều trị liệt tứ chi do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em                   | 54,800  |                                                                                                                |
| 302 | 08.0291.0230   | Điện châm điều trị viêm bàng quang                                       | Điện châm điều trị viêm bàng quang                                                       | 54,800  |                                                                                                                |
| 303 | 08.0292.0230   | Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện                                    | Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện                                                    | 54,800  |                                                                                                                |
| 304 | 08.0293.0230   | Điện châm điều trị bi đái cơ năng                                        | Điện châm điều trị bi đái cơ năng                                                        | 54,800  |                                                                                                                |
| 305 | 08.0294.0230   | Điện châm điều trị sa tử cung                                            | Điện châm điều trị sa tử cung                                                            | 54,800  |                                                                                                                |
| 306 | 08.0295.0230   | Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh                               | Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh                                               | 54,800  |                                                                                                                |
| 307 | 08.0296.0230   | Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống                   | Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống                                   | 54,800  |                                                                                                                |
| 308 | 08.0297.0230   | Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não   | Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não                   | 54,800  |                                                                                                                |
| 309 | 08.0298.0230   | Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp                                  | Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp                                                  | 54,800  |                                                                                                                |
| 310 | 08.0299.0230   | Điện châm điều trị khản tiếng                                            | Điện châm điều trị khản tiếng                                                            | 54,800  |                                                                                                                |
| 311 | 08.0300.0230   | Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi                             | Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi                                             | 54,800  |                                                                                                                |
| 312 | 08.0301.0230   | Điện châm điều trị liệt chi trên                                         | Điện châm điều trị liệt chi trên                                                         | 54,800  |                                                                                                                |
| 313 | 08.0302.0230   | Điện châm điều trị chắp leo                                              | Điện châm điều trị chắp leo                                                              | 54,800  |                                                                                                                |
| 314 | 08.0303.0230   | Điện châm điều trị đau hồ mắt                                            | Điện châm điều trị đau hồ mắt                                                            | 54,800  |                                                                                                                |
| 315 | 08.0304.0230   | Điện châm điều trị viêm kết mạc                                          | Điện châm điều trị viêm kết mạc                                                          | 54,800  |                                                                                                                |
| 316 | 08.0305.0230   | Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp             | Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp                             | 54,800  |                                                                                                                |
| 317 | 08.0307.0230   | Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông                                | Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông                                                | 54,800  |                                                                                                                |
| 318 | 08.0310.0230   | Điện châm điều trị viêm mũi xoang                                        | Điện châm điều trị viêm mũi xoang                                                        | 54,800  |                                                                                                                |
| 319 | 08.0313.0230   | Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp                                 | Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp                                                 | 54,800  |                                                                                                                |
| 320 | 08.0314.0230   | Điện châm điều trị ù tai                                                 | Điện châm điều trị ù tai                                                                 | 54,800  |                                                                                                                |



| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT23/2024/TT-BYT                                           | Tên dịch vụ phê duyệt giá                                                    | Giá thu | Ghi chú             |
|-----|----------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------|
| A   | B              | D                                                                            |                                                                              | 14      | 3                   |
| 321 | 08.0315.0230   | Điện châm điều trị giảm khúu giác                                            | Điện châm điều trị giảm khúu giác                                            |         |                     |
| 322 | 08.0317.0230   | Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật                               | Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật                               | 54,800  |                     |
| 323 | 08.0320.0230   | Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh                      | Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh                      | 54,800  |                     |
| 324 | 08.0321.0230   | Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt                                          | Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt                                          | 54,800  |                     |
| 325 | 08.0322.0271   | Thủy châm điều trị hội chứng thất lưng- hông                                 | Thủy châm điều trị hội chứng thất lưng- hông                                 | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 326 | 08.0323.0271   | Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu                                      | Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu                                      | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 327 | 08.0324.0271   | Thủy châm điều trị mất ngủ                                                   | Thủy châm điều trị mất ngủ                                                   | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 328 | 08.0326.0271   | Thủy châm điều trị nấc                                                       | Thủy châm điều trị nấc                                                       | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 329 | 08.0327.0271   | Thủy châm điều trị cảm mạo, cúm                                              | Thủy châm điều trị cảm mạo, cúm                                              | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 330 | 08.0328.0271   | Thủy châm điều trị viêm amydan                                               | Thủy châm điều trị viêm amydan                                               | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 331 | 08.0330.0271   | Thủy châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não                   | Thủy châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não                   | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 332 | 08.0331.0271   | Thủy châm điều trị hội chứng da dầy tá trắng                                 | Thủy châm điều trị hội chứng da dầy tá trắng                                 | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 333 | 08.0332.0271   | Thủy châm điều trị sa dầy da                                                 | Thủy châm điều trị sa dầy da                                                 | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 334 | 08.0333.0271   | Thủy châm điều trị trĩ                                                       | Thủy châm điều trị trĩ                                                       | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 335 | 08.0335.0271   | Thủy châm điều trị mày dầy                                                   | Thủy châm điều trị mày dầy                                                   | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 336 | 08.0338.0271   | Thủy châm điều trị bại liệt trẻ em                                           | Thủy châm điều trị bại liệt trẻ em                                           | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 337 | 08.0339.0271   | Thủy châm điều trị giảm thính lực                                            | Thủy châm điều trị giảm thính lực                                            | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 338 | 08.0340.0271   | Thủy châm điều trị liệt trẻ em                                               | Thủy châm điều trị liệt trẻ em                                               | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 339 | 08.0347.0271   | Thủy châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh                                   | Thủy châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh                                   | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 340 | 08.0348.0271   | Thủy châm điều trị thông kinh                                                | Thủy châm điều trị thông kinh                                                | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 341 | 08.0349.0271   | Thủy châm điều trị rối loạn kinh nguyệt                                      | Thủy châm điều trị rối loạn kinh nguyệt                                      | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 342 | 08.0350.0271   | Thủy châm điều trị đái dầm                                                   | Thủy châm điều trị đái dầm                                                   | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 343 | 08.0351.0271   | Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình                                       | Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình                                       | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 344 | 08.0352.0271   | Thủy châm điều trị đau vai gáy                                               | Thủy châm điều trị đau vai gáy                                               | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 345 | 08.0353.0271   | Thủy châm điều trị hen phế quản                                              | Thủy châm điều trị hen phế quản                                              | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 346 | 08.0354.0271   | Thủy châm điều trị huyết áp thấp                                             | Thủy châm điều trị huyết áp thấp                                             | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 347 | 08.0355.0271   | Thủy châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính                         | Thủy châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính                         | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 348 | 08.0356.0271   | Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên                         | Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên                         | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 349 | 08.0357.0271   | Thủy châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn                               | Thủy châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn                               | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 350 | 08.0364.0271   | Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi                                 | Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi                                 | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 351 | 08.0365.0271   | Thủy châm điều trị liệt chi trên                                             | Thủy châm điều trị liệt chi trên                                             | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 352 | 08.0366.0271   | Thủy châm điều trị liệt hai chi dưới                                         | Thủy châm điều trị liệt hai chi dưới                                         | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 353 | 08.0371.0271   | Thủy châm điều trị viêm mũi xoang                                            | Thủy châm điều trị viêm mũi xoang                                            | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 354 | 08.0372.0271   | Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hóa                                         | Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hóa                                         | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 355 | 08.0374.0271   | Thủy châm điều trị táo bón kéo dài                                           | Thủy châm điều trị táo bón kéo dài                                           | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 356 | 08.0375.0271   | Thủy châm hỗ trợ điều trị viêm khớp đang thấp                                | Thủy châm hỗ trợ điều trị viêm khớp đang thấp                                | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 357 | 08.0377.0271   | Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai                                       | Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai                                       | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 358 | 08.0378.0271   | Thủy châm điều trị đau lưng                                                  | Thủy châm điều trị đau lưng                                                  | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 359 | 08.0379.0271   | Thủy châm điều trị sụp mí                                                    | Thủy châm điều trị sụp mí                                                    | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 360 | 08.0381.0271   | Thủy châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp                 | Thủy châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp                 | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 361 | 08.0388.0271   | Thủy châm điều trị bì dầy cơ năng                                            | Thủy châm điều trị bì dầy cơ năng                                            | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 362 | 08.0389.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên                                     | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên                                     | 53,200  | Chưa bao gồm thuốc. |
| 363 | 08.0390.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới                                     | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới                                     | 53,200  |                     |
| 364 | 08.0391.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não           | 53,200  |                     |
| 365 | 08.0392.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thất lưng- hông                         | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thất lưng- hông                         | 53,200  |                     |
| 366 | 08.0393.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não                                  | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não                                  | 53,200  |                     |
| 367 | 08.0395.0280   | Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não                  | Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não                  | 53,200  |                     |
| 368 | 08.0396.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên                                | Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên                                | 53,200  |                     |
| 369 | 08.0397.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới                                | Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới                                | 53,200  |                     |
| 370 | 08.0398.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất                                      | Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất                                      | 53,200  |                     |
| 371 | 08.0401.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khúu giác                                    | Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khúu giác                                    | 53,200  |                     |
| 372 | 08.0402.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ                               | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ                               | 53,200  |                     |
| 373 | 08.0406.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược                                 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược                                 | 53,200  |                     |
| 374 | 08.0407.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp                              | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp                              | 53,200  |                     |
| 375 | 08.0408.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu                              | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu                              | 53,200  |                     |
| 376 | 08.0409.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ                                           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ                                           | 53,200  |                     |
| 377 | 08.0410.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress                                  | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress                                  | 53,200  |                     |
| 378 | 08.0411.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính                 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính                 | 53,200  |                     |
| 379 | 08.0412.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh           | 53,200  |                     |
| 380 | 08.0413.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V                        | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V                        | 53,200  |                     |
| 381 | 08.0414.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên              | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên              | 53,200  |                     |
| 382 | 08.0415.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mí                                            | Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mí                                            | 53,200  |                     |
| 383 | 08.0416.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp         | Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp         | 53,200  |                     |
| 384 | 08.0417.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng                                       | Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng                                       | 53,200  |                     |
| 385 | 08.0418.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực                                      | Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực                                      | 53,200  |                     |
| 386 | 08.0419.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình                               | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình                               | 53,200  |                     |
| 387 | 08.0420.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực                                    | Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực                                    | 53,200  |                     |
| 388 | 08.0421.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang                                    | Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang                                    | 53,200  |                     |
| 389 | 08.0422.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản                                      | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản                                      | 53,200  |                     |
| 390 | 08.0423.0280   | Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp                              | Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp                              | 53,200  |                     |
| 391 | 08.0424.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp                                     | Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp                                     | 53,200  |                     |
| 392 | 08.0425.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn                           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn                           | 53,200  |                     |
| 393 | 08.0426.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng da dầy- tá trắng                        | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng da dầy- tá trắng                        | 53,200  |                     |
| 394 | 08.0427.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị nấc                                               | Xoa bóp bấm huyệt điều trị nấc                                               | 53,200  |                     |
| 395 | 08.0428.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp đang thấp                               | Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp đang thấp                               | 53,200  |                     |
| 396 | 08.0429.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp                             | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp                             | 53,200  |                     |
| 397 | 08.0430.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng                                          | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng                                          | 53,200  |                     |
| 398 | 08.0431.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai                               | Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai                               | 53,200  |                     |
| 399 | 08.0432.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy                                 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy                                 | 53,200  |                     |
| 400 | 08.0434.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi                         | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi                         | 53,200  |                     |
| 401 | 08.0435.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa                                       | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa                                       | 53,200  |                     |
| 402 | 08.0436.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt                              | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt                              | 53,200  |                     |
| 403 | 08.0437.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh                                     | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh                                     | 53,200  |                     |
| 404 | 08.0438.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh                           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh                           | 53,200  |                     |
| 405 | 08.0439.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón                                           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón                                           | 53,200  |                     |
| 406 | 08.0441.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nông                            | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nông                            | 53,200  |                     |
| 407 | 08.0442.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị bì dầy cơ năng                                    | Xoa bóp bấm huyệt điều trị bì dầy cơ năng                                    | 53,200  |                     |
| 408 | 08.0443.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật                       | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật                       | 53,200  |                     |
| 409 | 08.0444.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì                                           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì                                           | 53,200  |                     |
| 410 | 08.0445.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não | 53,200  |                     |
| 411 | 08.0446.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống               | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống               | 53,200  |                     |
| 412 | 08.0447.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật                           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật                           | 53,200  |                     |
| 413 | 08.0449.0280   | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm                                           | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm                                           | 53,200  |                     |



| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT23/2024/TT-BYT                                | Tên dịch vụ phê duyệt giá                                                                     | Giá thu   | Ghi chú                                                                                     |
|-----|----------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| A   | B              | D                                                                 |                                                                                               |           |                                                                                             |
| 414 | 08.0451.0228   | Cửu điều trị hội chứng thắt lưng- hông thể phong hàn              | Cửu điều trị hội chứng thắt lưng- hông thể phong hàn                                          | 14        | 3                                                                                           |
| 415 | 08.0452.0228   | Cửu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn                         | Cửu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn                                                     | 25,900    |                                                                                             |
| 416 | 08.0453.0228   | Cửu điều trị nấc thể hàn                                          | Cửu điều trị nấc thể hàn                                                                      | 25,900    |                                                                                             |
| 417 | 08.0454.0228   | Cửu điều trị ngoại cảm phong hàn                                  | Cửu điều trị ngoại cảm phong hàn                                                              | 25,900    |                                                                                             |
| 418 | 08.0455.0228   | Cửu điều trị khan tiếng thể hàn                                   | Cửu điều trị khan tiếng thể hàn                                                               | 25,900    |                                                                                             |
| 419 | 08.0456.0228   | Cửu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn                    | Cửu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn                                                | 25,900    |                                                                                             |
| 420 | 08.0457.0228   | Cửu điều trị liệt chi trên thể hàn                                | Cửu điều trị liệt chi trên thể hàn                                                            | 25,900    |                                                                                             |
| 421 | 08.0458.0228   | Cửu điều trị liệt chi dưới thể hàn                                | Cửu điều trị liệt chi dưới thể hàn                                                            | 25,900    |                                                                                             |
| 422 | 08.0459.0228   | Cửu điều trị liệt nửa người thể hàn                               | Cửu điều trị liệt nửa người thể hàn                                                           | 25,900    |                                                                                             |
| 423 | 08.0460.0228   | Cửu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn         | Cửu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn                                     | 25,900    |                                                                                             |
| 424 | 08.0461.0228   | Cửu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn                              | Cửu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn                                                          | 25,900    |                                                                                             |
| 425 | 08.0462.0228   | Cửu điều trị giảm thính lực thể hàn                               | Cửu điều trị giảm thính lực thể hàn                                                           | 25,900    |                                                                                             |
| 426 | 08.0463.0228   | Cửu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn                            | Cửu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn                                                        | 25,900    |                                                                                             |
| 427 | 08.0465.0228   | Cửu điều trị dị tinh thể hàn                                      | Cửu điều trị dị tinh thể hàn                                                                  | 25,900    |                                                                                             |
| 428 | 08.0466.0228   | Cửu điều trị liệt dương thể hàn                                   | Cửu điều trị liệt dương thể hàn                                                               | 25,900    |                                                                                             |
| 429 | 08.0467.0228   | Cửu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn                           | Cửu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn                                                       | 25,900    |                                                                                             |
| 430 | 08.0468.0228   | Cửu điều trị bí đại thể hàn                                       | Cửu điều trị bí đại thể hàn                                                                   | 25,900    |                                                                                             |
| 431 | 08.0469.0228   | Cửu điều trị sa tử cung thể hàn                                   | Cửu điều trị sa tử cung thể hàn                                                               | 25,900    |                                                                                             |
| 432 | 08.0470.0228   | Cửu điều trị đau bụng kinh thể hàn                                | Cửu điều trị đau bụng kinh thể hàn                                                            | 25,900    |                                                                                             |
| 433 | 08.0471.0228   | Cửu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn                         | Cửu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn                                                     | 25,900    |                                                                                             |
| 434 | 08.0472.0228   | Cửu điều trị đại đàm thể hàn                                      | Cửu điều trị đại đàm thể hàn                                                                  | 25,900    |                                                                                             |
| 435 | 08.0473.0228   | Cửu điều trị đau lưng thể hàn                                     | Cửu điều trị đau lưng thể hàn                                                                 | 25,900    |                                                                                             |
| 436 | 08.0474.0228   | Cửu điều trị giảm khứu giác thể hàn                               | Cửu điều trị giảm khứu giác thể hàn                                                           | 25,900    |                                                                                             |
| 437 | 08.0475.0228   | Cửu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn                  | Cửu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn                                              | 25,900    |                                                                                             |
| 438 | 08.0476.0228   | Cửu điều trị cảm cúm thể hàn                                      | Cửu điều trị cảm cúm thể hàn                                                                  | 25,900    |                                                                                             |
| 439 | 08.0477.0228   | Cửu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn                            | Cửu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn                                                        | 25,900    |                                                                                             |
| 440 | 08.0479.0235   | Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn                             | Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn                                                         | 25,600    |                                                                                             |
| 441 | 08.0480.0235   | Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt                           | Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt                                                       | 25,600    |                                                                                             |
| 442 | 08.0481.0235   | Giác hơi điều trị các chứng đau                                   | Giác hơi điều trị các chứng đau                                                               | 25,600    |                                                                                             |
| 443 | 08.0482.0235   | Giác hơi điều trị cảm cúm                                         | Giác hơi điều trị cảm cúm                                                                     | 25,600    |                                                                                             |
| 444 | 11.0005.1148   | Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn | Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn [dưới 10% diện tích cơ thể] | 184,000   |                                                                                             |
| 445 | 11.0005.2043   | Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn | Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn [dưới 5% diện tích cơ thể]  | 91,400    |                                                                                             |
| 446 | 13.0030.0623   | Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo                             | Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo                                                         | 1,164,500 |                                                                                             |
| 447 | 13.0032.0632   | Lấy khối máu tụ âm đạo, tăng sinh môn                             | Lấy khối máu tụ âm đạo, tăng sinh môn                                                         | 1,751,300 |                                                                                             |
| 448 | 13.0033.0614   | Đờ đé thường ngồi chồm                                            | Đờ đé thường ngồi chồm                                                                        | 550,600   |                                                                                             |
| 449 | 13.0040.0629   | Làm thuốc vết khâu tăng sinh môn nhiễm khuẩn                      | Làm thuốc vết khâu tăng sinh môn nhiễm khuẩn                                                  | 66,200    |                                                                                             |
| 450 | 13.0054.0600   | Trích áp xe tăng sinh môn                                         | Trích áp xe tăng sinh môn                                                                     | 611,100   |                                                                                             |
| 451 | 13.0155.0334   | Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ, âm đạo; tăng sinh môn                  | Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ, âm đạo; tăng sinh môn                                              | 622,700   |                                                                                             |
| 452 | 13.0158.0634   | Nạo hút thai trứng                                                | Nạo hút thai trứng                                                                            | 640,200   |                                                                                             |
| 453 | 13.0163.0602   | Trích áp xe vú                                                    | Trích áp xe vú                                                                                | 176,000   |                                                                                             |
| 454 | 13.0199.0211   | Đặt sonde hậu môn sơ sinh                                         | Đặt sonde hậu môn sơ sinh                                                                     | 64,600    |                                                                                             |
| 455 | 13.0200.0071   | Bóp bóng ambu, thổi ngạt sơ sinh                                  | Bóp bóng ambu, thổi ngạt sơ sinh                                                              | 173,900   |                                                                                             |
| 456 | 13.0241.0644   | Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không           | Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không                                       | 315,000   |                                                                                             |
| 457 | 14.0203.0075   | Cắt chỉ khâu da mi đơn giản                                       | Cắt chỉ khâu da mi đơn giản                                                                   | 28,200    | Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú.                                                       |
| 458 | 14.0212.0864   | Cấp cứu bỏng mắt ban đầu                                          | Cấp cứu bỏng mắt ban đầu                                                                      | 240,900   |                                                                                             |
| 459 | 15.0056.0882   | Chọc hút dịch vẩn tai                                             | Chọc hút dịch vẩn tai                                                                         | 45,000    |                                                                                             |
| 460 | 15.0058.0899   | Làm thuốc tai                                                     | Làm thuốc tai                                                                                 | 15,400    | Chưa bao gồm thuốc.                                                                         |
| 461 | 15.0059.0908   | Lấy nút biểu bì ống tai ngoài                                     | Lấy nút biểu bì ống tai ngoài                                                                 | 49,200    |                                                                                             |
| 462 | 15.0147.1006   | Hút rửa mũi, xoang sau mũi                                        | Hút rửa mũi, xoang sau mũi                                                                    | 107,500   |                                                                                             |
| 463 | 15.0212.0900   | Lấy dị vật họng miệng                                             | Lấy dị vật họng miệng                                                                         | 30,100    |                                                                                             |
| 464 | 15.0222.0898   | Khí dung mũi họng                                                 | Khí dung mũi họng                                                                             | 19,200    | Chưa bao gồm thuốc khí dung.                                                                |
| 465 | 15.0301.0216   | Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ                        | Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổng thương nông chiều dài < 10 cm]               | 136,200   |                                                                                             |
| 466 | 15.0301.0217   | Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ                        | Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổng thương nông chiều dài ≥ 10 cm]               | 188,600   |                                                                                             |
| 467 | 15.0301.0218   | Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ                        | Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổng thương sâu chiều dài < 10 cm]                | 202,600   |                                                                                             |
| 468 | 15.0301.0219   | Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ                        | Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổng thương sâu chiều dài ≥ 10 cm]                | 247,900   |                                                                                             |
| 469 | 15.0302.0075   | Cắt chỉ sau phẫu thuật                                            | Cắt chỉ sau phẫu thuật                                                                        | 28,200    | Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú.                                                       |
| 470 | 15.0303.0200   | Thay băng vết mổ                                                  | Thay băng vết mổ [chiều dài ≤ 15cm]                                                           | 45,000    | Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú. Đối với người bệnh nội trú theo quy định của Bộ Y tế. |
| 471 | 15.0303.0202   | Thay băng vết mổ                                                  | Thay băng vết mổ [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]                                          | 84,900    |                                                                                             |
| 472 | 15.0303.0204   | Thay băng vết mổ                                                  | Thay băng vết mổ [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]                                   | 135,500   |                                                                                             |
| 473 | 15.0303.0205   | Thay băng vết mổ                                                  | Thay băng vết mổ [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]                                               | 192,900   |                                                                                             |
| 474 | 15.0303.2047   | Thay băng vết mổ                                                  | Thay băng vết mổ [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]                                              | 62,600    | Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú. Đối với người bệnh nội trú theo quy định của Bộ Y tế. |
| 475 | 16.0239.1029   | Nhỏ chân răng sữa                                                 | Nhỏ chân răng sữa                                                                             | 32,600    |                                                                                             |
| 476 | 17.0011.0237   | Điều trị bằng tia hồng ngoại                                      | Điều trị bằng tia hồng ngoại                                                                  | 28,600    |                                                                                             |
| 477 | 17.0033.0266   | Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người         | Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người                                     | 36,200    |                                                                                             |
| 478 | 17.0034.0267   | Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người             | Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người                                         | 41,500    |                                                                                             |
| 479 | 17.0037.0267   | Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động                                  | Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động                                                              | 41,500    |                                                                                             |
| 480 | 17.0039.0267   | Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động                                  | Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động                                                              | 41,500    |                                                                                             |
| 481 | 17.0041.0268   | Tập đi với thanh song song                                        | Tập đi với thanh song song                                                                    | 23,300    |                                                                                             |
| 482 | 17.0042.0268   | Tập đi với khung tập đi                                           | Tập đi với khung tập đi                                                                       | 23,300    |                                                                                             |
| 483 | 17.0043.0268   | Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)                           | Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)                                                       | 23,300    |                                                                                             |
| 484 | 17.0044.0268   | Tập đi với gậy                                                    | Tập đi với gậy                                                                                | 23,300    |                                                                                             |
| 485 | 17.0047.0268   | Tập lên, xuống cầu thang                                          | Tập lên, xuống cầu thang                                                                      | 23,300    |                                                                                             |
| 486 | 17.0048.0268   | Tập đi trên các địa hình khác nhau (độc, sỏi, gỗ ghềnh...)        | Tập đi trên các địa hình khác nhau (độc, sỏi, gỗ ghềnh...)                                    | 23,300    |                                                                                             |
| 487 | 17.0052.0267   | Tập vận động thu động                                             | Tập vận động thu động                                                                         | 41,500    |                                                                                             |
| 488 | 17.0053.0267   | Tập vận động có trợ giúp                                          | Tập vận động có trợ giúp                                                                      | 41,500    |                                                                                             |
| 489 | 17.0056.0267   | Tập vận động có kháng trở                                         | Tập vận động có kháng trở                                                                     | 41,500    |                                                                                             |
| 490 | 17.0063.0268   | Tập với thang tường                                               | Tập với thang tường                                                                           | 23,300    |                                                                                             |
| 491 | 17.0065.0269   | Tập với ròng rọc                                                  | Tập với ròng rọc                                                                              | 10,200    |                                                                                             |
| 492 | 17.0070.0261   | Tập với ghế tập mạnh cơ tứ đầu đùi                                | Tập với ghế tập mạnh cơ tứ đầu đùi                                                            | 10,200    |                                                                                             |



| STT | Mã tương đương | Tên kỹ thuật theo TT23/2024/TT-BYT                              | Tên dịch vụ phê duyệt giá                                       | Giá thu | Ghi chú             |
|-----|----------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------|---------------------|
| A   | B              | D                                                               |                                                                 | 14      | 3                   |
| 493 | 17.0073.0277   | Tập các kiểu thở                                                | Tập các kiểu thở                                                |         |                     |
| 494 | 17.0075.0277   | Tập ho có trợ giúp                                              | Tập ho có trợ giúp                                              | 23,000  |                     |
| 495 | 17.0092.0268   | Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn                       | Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn                       | 23,000  |                     |
| 496 | 17.0104.0263   | Tập nuốt                                                        | Tập nuốt [sử dụng máy]                                          | 23,300  |                     |
| 497 | 17.0104.0264   | Tập nuốt                                                        | Tập nuốt [không sử dụng máy]                                    | 121,500 |                     |
| 498 | 17.0250.0256   | Tập đo cứng khớp                                                | Tập đo cứng khớp                                                | 101,200 |                     |
|     |                |                                                                 |                                                                 | 39,300  |                     |
| 499 | 22.0138.1362   | Tim ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công) | Tim ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công) | 27,700  |                     |
| 500 | 03.0601.0271   | Thủy châm điều trị đau răng                                     | Thủy châm điều trị đau răng                                     | 53,900  | Chưa bao gồm thuốc. |